|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT PHAN CHÂU TRINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH**

**TỔ ĐỊA LÍ - Năm học 2017 – 2018**

Căn cứ Kế hoạch giáo dục năm học 2017 - 2018 của Trường THPT Phan Châu Trinh Tổ Địa Lí xây dựng kế hoạch hoạt động năm học 2017 - 2018 như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

1. **Bối cảnh năm học**

* Năm học 2017 – 2018 là năm học nhà trường tiếp tục triển khai , thực hiện các nội dung của nghị quyết số - Nghị quyết số 44/NQ-CP, ngày 09/6/2014 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: “*Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng đánh giá năng lực của người học; kết hợp đánh giá cả quá trình với đánh giá cuối kỳ học, cuối năm học theo mô hình của các nước có nền giáo dục phát triển”...*
* Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học, tăng cườn kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1. **Thuận lợi**

* Được sự quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo kịp thời của BGH nhà trường
* Giáo viên trong tổ có kinh nghiệm giảng dạy, tinh thần tự giác cao, nhiệt tình công tác, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung.
* Giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo.
* Giáo viên tận tâm với công việc, tận tụy với HS, có tinh thần vượt khó về chuyên môn, để dạy tốt, chủ nhiệm tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần giúp đỡ đồng nghiệp
* Được sự đầu tư cơ sở vật chất cho các hoạt động trong giảng dạy của Hội đồng quản trị.

3. Khó khăn

* Đầu vào học sinh còn thấp nên ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả giáo dục.
* Một bộ phận không nhỏ học sinh học lệch, xem nhẹ bộ môn, tinh thần, phương pháp tự học của đa số học sinh chưa tốt nên ảnh hưởng chất lượng bộ môn.
* Khả năng tự học, kĩ năng vẽ biểu đồ và phân tích bảng số liệu còn còn hạn chế.
* Số ít PHHS chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình, dẫn đến tình trạng học sinh ham chơi, lười học còn nhiều.

1. Tình hình đội ngũ năm học 2017 - 2018

* Trong tổ có 3 GV (1 nữ, 2 nam).
* Trình độ chuyên môn 100% đạt chuẩn.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Trình độ** | **Đạt chuẩn** | **Chuyên Môn** |
| 1 | Thạch Chính | Cử nhân | X | Địa Lí |
| 2 | Phạm Đình Đại | Cử nhân | X | Địa Lí |
| 3 | Phạm Thị Kim Huệ | Cử nhân | X | Địa Lí |

**II. CÁC MỤC TIÊU NĂM HỌC**

1. Xây dựng Kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện đúng chương trình và KHGD theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD-ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006.
2. Thực hiện đúng và đủ công tác dạy tự chọn, lồng ghép….

* Thực hiện đúng theo hướng dẫn thực hiện chương trình, nội dung giảm tải của Bộ giáo dục và chỉ đạo của Sở giáo dục.
* Tổ linh hoạt trong việc thực hiện khung phân phối chương trình để đưa các nội dung dạy học theo chủ đề tích hợp, tiết học ngoài nhà trường…
* Quy định về thời gian học:
* Học kì I: Từ 01/8- 31/12/2017

Kiểm tra giữa kì I: Từ 9/10 đến 23/10/2017

Kiểm tra học kì I: Từ 18-24/12/2017

* Học kì II: Từ 02/1-25/5/2018

Kiểm tra giữa kì II: Từ 5/3 đến 18/3/2018

Kiểm tra học kì I: Từ 23 - 29/4 /2018

1. Thực hiện dạy học theo chủ đề tích hợp: Dạy chủ đề tích hợp để hệ thống hóa,khắc sâu kiến thức, kĩ năng, bổ sung kiến thức mới.
2. **Dạy học 2 buổi/ ngày**: nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu của gia đình,và xã hội trong quản lí, giáo dục học sinh, tăng cường giáo dục kĩ năng sống.
3. **Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác giảng dạy nhằm phát huy tính tự học và sáng tạo của HS.**

* Mỗi giáo viên có ít nhất 1 giáo án điện tử trong học kì I.
* Sử dụng “ Trường học kết nối” mỗi giáo viên có ít nhất 1 giáo án trên trường học kết nối.

1. **Tiếp tục phát huy mạnh mẽ công tác đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá:**

* Tiếp tục đổi mới PPDH phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS trong học tập. Rèn kĩ năng tự học, tự nghiên cứu nhằm đảm bảo cân đối giữa truyền thụ kiến thức và rèn luyện kĩ năng theo chuẩn kiến thức
* Giáo viên soạn giảng trong giáo án cần lưu ý “Định hướng hình thành năng lực cho HS”.Có hệ thống câu hỏi và bài tập đủ 4 mức độ, phân hóa đối tượng HS.
* Đa dạng hóa các loại hình học tập, ngoài việc tổ chức cho học sinh học ở trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường.
* Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học.
* Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực của HS,coi trọng đánh giá để giúp đỡ HS về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của HS trong quá trình dạy học.
* Kết hợp 1 cách hợp lí giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra. Chú ý hướng dẫn học sinh đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình.
* Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận , ra đề và đáp án chuẩn xác, một tuần trước ngày kiểm tra.

1. **Đổi mới sinh hoạt Tổ chuyên môn**

* Sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.
* Xây dựng các chủ đề dạy học, dạy tích hợp, liên môn, phương pháp dạy học “Bàn tay nặn bột”, dạy học bằng di sản.
* Thảo luận về phương pháp, kĩ thuật tổ chức học theo nhóm và hướng dẫn HS tự học.
* Tích cực tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn do sở và phòng giáo dục tổ chức

**III. CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN**

1. Xây dựng tư tưởng, đạo đức tác phong của giáo viên

* Nhiệm vụ:
* Tham gia đầy đủ và nghiêm túc các lớp học tập, bồi dưỡng chính trị
* Tích cực hưởng ứng, tuyên tuyền các phong trào thi đua, nhận thức sâu sắc việc xây dựng trừơng học thân thiện, học sinh tích cực là ***động lực lớn*** để thúc đẩy, nâng cao chất lượng dạy học
* **Chỉ tiêu:**
* 100% giáo viên trong Tổ tham gia tốt kế hoạch tự BD và BD của nhà trường
* 100% giáo viên không vi phạm pháp luật; không vi phạm đạo đức nhà giáo; thực hiện tốt quy chuẩn đạo đức nhà giáo; thực hiện tốt các quy chế, chuyên môn, quy định về nền nếp , kỷ cương nhà trường
* **Các biện pháp thực hiện**
* Thông báo nhắc nhở giáo viên trong tổ tham gia đầy đủ các buổi các lớp học bồi dưỡng chính trị.
* Trong các giờ dạy, GV tạo mọi điều kiện cho HS hoạt động tính cực trên tinh thần cởi mở, thân thiện .
* Tham gia các hoạt động nhà trường để xây dựng nhà trường an toàn, lành mạnh; thân thiện; xây dựng môi trường học tập trong từng giờ dạy, giờ học, lớp học.
* Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương về đạo đức, tự học, tự sáng tạo”, cuộc vận động “Dân chủ – kỉ cương – tình thương – trách nhiệm”.
* Xây dựng tổ ngày càng vững mạnh: đoàn kết, nhất trí, hỗ trợ và tin cậy lẫn nhau, ửng xử thân thiện, văn minh, nâng cao ý thức tự học, tự rèn để nâng cao trình độ.
* Đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Đưa nội dung cuộc vận động lồng ghép vào giảng dạy.

1. Giữ vững và nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, hạn chế học sinh yếu kém…

* **Chỉ tiêu** :

**\* Học lực:**

- Giỏi : 25%

- Khá : 45%

- TB : 28%

- Yếu :

* **Biện pháp:**
* Nâng cao chất lượng dạy và học phù hợp với năng lực trình độ HS, phương pháp dạy học đổi mới tạo hướng thú cho HS.
* Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS.
* Phối hợp với cha mẹ HS, GVCN để có biện pháp giáo dục tốt.
* Thường xuyên quan tâm, động viên, giúp đỡ những HS có hoàn cảnh gia đình khó khăn phấn đấu hơn trong học tập
* Tuyên truyền giáo dục nâng cao tinh thần học tập của HS.
* Phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS để thu hút HS hứng thú tham gia mọi hoạt động nhằm đẩy mạnh chất lượng dạy và học**.**

1. **Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh giáo dục học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu.**
2. **Về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.**

* **Các chỉ tiêu:**
* Thực hiện đầy đủ chương trình, không cắt xén, bỏ nội dung dạy học.
* Có kế hoạch dạy học cho từng khối lớp được lãnh đạo nhà trường phê duyệt.
* **Biện pháp thực hiện:**
* Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, đúng tiến độ.
* Đổi mới phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo trong học tập của HS, giúp HS vận dụng kiến thức trong giải quyết vấn đề thực tiễn.
* Vận dụng có hiệu quả các phướng pháp dạy học phù hợp với nội dung bài giảng và đối tượng HS khác nhau.
* Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng phân hóa năng lực của HS dựa trên chuẩn kiến thức kĩ năng.
* Soạn giáo án đầy đủ, thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lí các hoạt động của HS và GV, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lí.

1. **Về bồi dưỡng học sinh giỏi**

* **Chỉ tiêu:**
* Có đội tuyển HSG lớp 9 tham gia thi cấp quận.
* **Biện Pháp**
* Tuyển chọn những HS có năng lực tham gia vào đội tuyển ở các khối lớp ngay từ đầu cấp học và đầu năm học để tạo nguồn trong các đợt thi học sinh giỏi do Phòng, Cụm, và Sở GD&ĐT tổ chức.
* Phân công giáo viên có năng lực tham gia bồi dưỡng.
* Xây dựng chương trinh bồi dưỡng HSG ở các khối lớp.
* Kết hợp bồi dưỡng cả trong giờ chính khóa vàngoài giờ chính khóa.

1. **Về phụ đạo học sinh yếu**

* Ngay từ đầu năm phải phân loại được trình độ HS có biện pháp phù hợp với khả năng của từng HS.
* Chú ý quan tâm nhiều hơn và tăng cướng kiểm tra theo dõi quá trình học tập của HS.
* Phối hợp với cha mẹ HS và GVCN để giúp đỡ các em.

1. **Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên.**

* **Chỉ tiêu:**
* 100% GV trong tổ nắm vững chuẩn kiến thức, kĩ năng theo quy định của Bộ GD&ĐT.
* Thực hiện hiệu quả các hoạt động dự giờ, thao giảng.
* Tổ trưởng dự giờ các giáo viên trong tổ 2 tiết dạy/giáo viên/năm.
* Mỗi GV thực hiện ít nhất có 1 bài giảng có ứng dụng CNTT/ 1 học kì.
* Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên đúng quy định.
* **Biện pháp:**
* Giáo viên dạy cùng khối cần thống nhất khung thời gian, nội dung trọng tâm, kiến thức liên môn, ĐDDH.
* Tổ chức thao giảng chuyên đề, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả ĐDDH, dạy học theo sơ đồ, biểu đồ, ôn tập, luyện tập.
* Tích cực tham gia trường học kết nối để trao đổi về chuyên môn và nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên
* Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, mỗi lần họp phải 2/3 thời gian để thảo luận về những vấn đề chuyên môn
* Tổ chức thao giảng theo chuyên đề do tổ đề ra. Mỗi đợt thao giảng GV trong tổ phải đi dự đầy đủ và sau mỗi giờ dạy đều phải góp ý, đánh giá rút kinh nghiệm để khắc phục những hạn chế và phát huy những điểm mạnh.
* Tích cực tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn do sở và phòng giáo dục tổ chức.
* Chuẩn bị tốt nội dung hội thảo chuyên đề trong tổ.
* Tích cực tham gia trường học trực tuyến.
* Đảm bảo sinh hoạt tổ chuyên môn từ 2 lần /tháng.

1. **Tham gia Hội thi, hoạt động chuyên môn trường, Cụm, ngành …**

* Tăng cường tham gia các hoạt động chuyên sâu của trường, của cụm, của ngành như: dự giờ, thao giảng, hội thảo chuyên đề , dạy học theo chủ đề tích hợp.
* Hưởng ứng các ngày lễ lớn thamgia học tập tốt, dạy tốt như 20/11, 8/3…

1. **Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, đánh giá phân loại đội ngũ giáo**

**viên.** -

* Lên kế hoạch kiểm tra ở từng học kì, ở từng nội dung, ở từng giáo viên theo lịch của nhà trường.
* Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm sau mỗi lần kiểm tra.
* Các bài kiểm tra từ 45 phút trở lên các tổ viên ra đề phải có ma trận nộp cho tổ trưởng trước khi kiểm tra.

1. **Hoạt động chuyên môn khác**

* Tổ tham gia đầy đủ các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
* Tổ chức ngoại khóa kết hợp với nhà trường ở các khối lớp.

**V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT**

- Đồ dùng dạy học bổ sung đồ dùng mới.

Trên đây là kế hoạch năm học 2017-2018 nhằm thực hiện kế hoạch giáo dụcnhà trường của Tổ Địa Lí.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9. năm 2017*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG** |  | **Tổ trưởng**  **Trần Thị Duyên** |

**Đính kèm:**

- Kế hoạch Thực hiện chương trình chi tiết

- Đăng ký thi đua …

- ..

- …

- …

**PHỤ LỤC 1**

**ĐĂNG KÝ THI ĐUA**

**1. Danh hiệu thi đua, khen thưởng tập thể:** Tiên tiến

**2. Danh hiệu thi đua cá nhân:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Đăng ký**  **danh hiệu thi đua** | **Ghi chú** |
| 1 | Thạch Chính | GV | LĐ tiên tiến |  |
| 2 | Phạm Quang Đại | GV | LĐ tiên tiến |  |
| 3 | Phạm Thị Kim Huệ | GV | LĐ tiên tiến |  |
|  |  |  |  |  |

**PHỤ LỤC 2**

**KẾ HOẠCH THAO GIẢNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Giáo viên thao giảng** | **Thời gian** | **Ghi chú** |
| 1 | Phan Đình Đại | Tháng 11/2017 – HK I | Thao giảng trường |
| 2 | Thạch Chính | Tháng 1/2018– HKII | Thao giảng trường |

**PHỤ LỤC 3**

**LỊCH THỰC HIỆN NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung, hình thức** | **Đối tượng** | **Thời gian** | **Ghi chú** |
| 1 | Kiểm tra giữa kì I | Khối 6,7,8,9 | Tháng 10  (9-15/10/2017) |  |
| 2 | Kiểm tra cuối kì I | Khối 6,7,8,9 | Tháng 12( 18-24) |  |
| 3 | Kiểm tra giữa kì II | Khối 6,7,8,9 | Tháng 3(5-11/2018) |  |
| 4 | Kiểm tra cuối kì II | Khối 6,7,8,9 | Tháng 4  (23-29/2018) |  |
| 5 | Tham quan ngoại khóa | Khối 6,7,8,9 | Cuối tháng 10/2017 |  |

**PHỤ LỤC 4**

**DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên chuyên đề** | **Người thực hiện** | **Khối** | **Nội dung**  **công việc** | **Môn học liên quan (Chủ đề liên môn)** | **Ghi chú** |
| Tháng 10 | Những vận động của Trái Đất | Thầy Chính | 6 | Thảo luận  Thực hiện giảng tại lớp | Lí |  |

**KẾ HOẠCH CỤ THỂ TỪNG THÁNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung** | **Phụ trách** |
| 8 | - Phân công GV lập KHGD các khối ở học kì I.  - Giảng dạy theo PPCT  - Dự thảo kế hoạch năm học của tổ  - Chọn và bồi dưỡng HS giỏi lớp 9 | TT  Cả tổ  //  Cô Huệ |
| 9 | - Dạy theo PPCT ở các khối lớp  - Tham dự lễ khai giảng năm học mới.  - Thực hiện dự giờ thăm lớp.theo lịch của BGH  - Thống nhất trọng tâm ở 1 số bài khó  - Tổ trưởng tham họp tổ bộ môn ở Sở GD, phòng GD sau đó về triển khai nội dung cho tổ thực hiện.  - Kiểm tra bài 15 phút của các lớp.  **-**Hoàn thành kế hoạch năm học của tổ  **-**Bồi dưỡng HS giỏi lớp 9  - Chuẩn bị nội dung tham quan ngoại khóa | Cả tổ  //  //  //  Tổ trưởng  Gv các khối  TT  Cô Huệ  Cả tổ |
| 10 | - Dạy học theo PP chương trình  - TTCM kiểm tra hồ sơ các GV trong tổ.  - Thống nhất nội dung ôn tập và cấu trúc đề kiểm tra, ra đề kiểm tra 1 tiết ở 4 khối : 6,7,8,9  - Kiểm tra tập trung 1 tiết ở cả 4 khối.  - Chuẩn bị đi ngoại khóa  - Thực hiện dự giờ thăm lớp.theo lịch của BGH.  - Họp tổ thảo luận, soạn giáo án theo phương pháp , kĩ thuật tổ chức hoạt động theo nhóm và hướng dẫn HS tự học. | Cả tổ  TTCM  Cả tổ  Gv các khối  //  Cả tổ  // |
| **11** | - Dạy học theo PP chương trình  - Họp tổ thống nhất nội dung giảng dạy trong tháng 11.  - Thao giảng chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam (20-11)  - Thực hiện dự giờ thăm lớp.theo lịch của BGH  - Làm bài kiểm tra 15 phút lần 2.  - Tổ chức thảo luận chuyên đề bồi dưỡng thường xuyên | Cả tổ  //  Thầy Đại  Cả tổ  Cả tổ |
| 12 | - Dạy theo phân phối chương trình  - Thực hiện dự giờ thăm lớp.theo lịch của BGH  - Họp tổ thống nhất nội dung giảng dạy trong tháng 11.  - Đẩy mạnh việc dạy ôn tập cho HS chuẩn bị thi học kì I theo hướng dẫn của Phòng giáo dục.  - Hoàn thành điểm TBMHKI.  - Tổ chức thảo luận chuyên đề bồi dưỡng thường xuyên. | Cả tổ  //  //  TTCM  Cả tổ |
| 1/2018 | - Tiếp tục giảng dạy chương trình học kì II  - Thực hiện dự giờ thăm lớp theo lịch của BGH.  - Xét duyệt thi đua, sơ kết học kì I  - Họp tổ thống nhất nội dung giảng dạy trong tháng 1.  -Thực hiện tiết thao giảng | Cả tổ  //  TT  Cả tổ  Thầy Chính |
| 2 | - Tiếp tục giảng dạy chương trình học kì II  - Thực hiện dự giờ thăm lớp theo lịch của BGH.  - Làm bài kiểm tra 15 phút  - Thống nhất nội dung ôn tập kiểm tra 1 tiết ở các khối lớp.  **-** Tổ chức ngoại khóa dưới cờ | Cả tổ  //  //  Gv các khối  Cả tổ |
| 3 | - Dạy học theo PP chương trình  - Kiểm tra HSSSGV  - Thực hiện dự giờ thăm lớp theo lịch của BGH.  - Kiểm tra tập trung 1 tiết các khối, chấm bài và trả bài đúng quy định | Cả tổ  TT  Cả tổ  // |
| 4 | - Họp tổ thống nhất nội dung giảng dạy tháng 4.  - Đẩy mạnh việc dạy ôn tập cho HS chuẩn bị thi học kì II theo hướng dẫn của Phòng giáo dục.  - Kiểm tra tập trung học kì II. | Cả tổ  Cả tổ |
| 5 | - Hoàn thành điểm TBM HK II và TBM cả năm  - Hoàn tất chương trình giảng dạy các khối theo PPCT  - Xét duyệt thi đua học kì II.  - Sơ kết hoạt động tổ, báo cáo chuyên môn tổng kết năm học. | Cả tổ  Cả tổ  TT  TT |
|  |  |  |

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG**

**Dạy học,giảm tải, kiểm tra, đánh giá**

**NĂM HỌC 2017 – 2018**

**MÔN: Địa Lí – KHỐI 6**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **BÀI DẠY**  (Nội dung, kiến thức, kĩ năng) | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG GIẢM TẢI** | **THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG KIỂM TRA** |
| **1** | **HỌC KÌ I**   * **Tổng kết chương trình Địa lí bậc Tiểu học** * **Chủ đề: Tìm hiểu Việt Nam - Đất nước, con người (tìm hiểu 63 tỉnh và thành phố)** |  |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **2** | * **Chủ đề: Tìm hiểu Việt Nam - Đất nước, con người (đề tài TP. Hồ Chí Minh)** * **Giới thiệu chương trình Địa lí bậc THCS** |  |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| 3 | * **Bài mở đầu** * ***Kiến thức:*** Qua bài học giúp HS hiểu được mục đích của việc học bộ môn Địa lí. * ***Kĩ năng:*** Bước đầu giúp các em biết phương pháp học, quan sát, sử dụng bản đồ, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| 4 | ***CHƯƠNG I: TRÁI ĐẤT***   * **Bài 1:** Vị trí, hình dạng và kích thước của Trái Đất. * ***Kiến thức:*** Biết được vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời, hình dạng và kích thước của Trái Đất; Trình bày được khái niệm kinh tuyến, vĩ tuyến. Biết quy ước về kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc; kinh tuyến Đông, kinh tuyến Tây; vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam; nửa cầu Đông, nửa cầu Tây, nửa cầu Bắc, nửa cầu Nam * ***Kĩ năng:*** Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời trên hình vẽ; Xác định được: kinh tuyến gốc, các kinh tuyến Đông và kinh tuyến Tây; vĩ tuyến gốc, các đường vĩ tuyến Bắc và vĩ tuyến Nam; nửa cầu Đông và nửa cầu Tây, nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam trên bản đồ và quả Địa Cầu. * Luyện tập | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Quả địa cầu |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| 5 | * **Bài 2:** Bản đồ. Cách vẽ bản đồ * ***Kiến thức:*** Trình bày được khái niệm bản đồ và một vài đặc điểm của bản đồ theo các PP chiếu đồ khác nhau * ***Kĩ năng:*** Quan sát vè vẽ bản đồ. * **Bài 3:** Tỉ lệ bản đồ * ***Kiến thức:*** Định nghĩa đơn giản về bản đồ: tỉ lệ bản đồ. * ***Kĩ năng:*** Dựa vào tỉ lệ bản đồ tính được khoảng cách trên thưc tế theo đường chim bay (đường thẳng) và ngược lại. | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Bản đồ hành chính thế giới. * Bản đồ thành phố HCM. |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| 6 | * **Bài 4:** Phương hướng trên bản đồ. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí * ***Kiến thức:*** Định nghĩa đơn giản về biết phương hướng trên bản đồ và một số yếu tố cơ bản của bản đồ: kí hiệu bản đồ, lưới kinh, vĩ tuyến * ***Kĩ năng:*** Xác định được phương hướng, tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ và quả Địa Cầu. * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Bản đồ thủ đô các nước khu vực ĐNÁ; hành chính LB Nga |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| 7 | * **Bài 5:** Ký hiệu bản đồ. Cách biểu hiện địa hình trên bản đồ * ***Kiến thức:*** Biết được ba loại kí hiệu thường được sử dụng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu điểm, kí hiệu đường, kí hiệu diện tích ; Một số dạng kí hiệu thường được sử dụng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu hình học, kí hiệu chữ, kí hiệu tượng hình; Cách thể hiện độ cao địa hình trên bản đồ: Thang màu, đường đồng mức. * ***Kĩ năng:*** Đọc và hiểu nội dung bản đồ dựa vào kí hiệu bản đồ. * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Bản đồ: tự nhiên VN, kinh tế chung Việt Nam |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| 8 | * **Bài 6:** Thực hành:Tập sử dụng địa bàn và thước đo để vẽ sơ đồ lớp học (giảm tải) * **Bài 7:** Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả * ***Kiến thức:*** Trình bày được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: hướng, thời gian, quỹ đạo và tình chất của chuyển động; Trình bày được các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. * ***Kĩ năng:*** Sử dụng hình vẽ để mô tả chuyển động tự quay của Trái Đất; Dựa vào hình vẽ mô tả hướng chuyển động tự quay, sự lệch hướng chuyển động của các vật thể trên bề mặt Trái Đất * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Quả địa cầu * Bản đồ các khu vực giờ trên TĐ. | Cả bài 6  Câu hỏi 1; 3: không yêu cầu HS trả lời (bài 7) | 1 tiết  1 tiết |  |
| 9 | * **Bài 8:** Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời * ***Kiến thức:*** Trình bày được chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất: hướng, thời gian, quỹ đạo và tình chất của chuyển động; Trình bày được các hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời (Hiện tượng các mùa trên Trái Đất). * ***Kĩ năng:*** Sử dụng hình vẽ để mô tả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời; Dựa vào hình vẽ mô tả hướng chuyển động, quỹ đạo chuyển động, độ nghiêng và hướng nghiêng của trục Trái Đất khi chuyển động trên quỹ đọa. * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Sơ đồ sự vận động của TĐ quanh MT. * Phiếu học tập |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| 10 | * **Ôn tập** * **Ôn tập** | * Đề cương ôn tập |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| 11 | * **KIỂM TRA 1 TIẾT** * **Sửa bài kiểm tra** | Đề KT 1 tiết |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **12** | * **Bài 9:** Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa * ***Kiến thức:*** Trình bày được các hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời (Hiện tượng ngày đêm dài, ngắn khác nhau theo mùa và theo vĩ độ). * ***Kĩ năng:*** Dựa vào hình vẽ mô tả hiện tượng ngày, đêm dài, ngắn ở các vĩ độ khác nhau trên Trái Đất theo mùa. * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Sơ đồ hiện tượng ngày, đêm dài ngắn ở các địa điểm có vị độ khác nhau |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **13** | * **Bài 10:** Cấu tạo bên trong của Trái Đất * ***Kiến thức:*** Nêu được tên các lớp cấu tạo của trái đất và đặc điểm của từng lớp; Trình bày được cấu tạo và vai trò của lớp vỏ Trái Đất * ***Kĩ năng:*** Quan sát và nhận xét về vị trí, độ dày của các lớp cấu tạo bên trong Trái Đất (từ hình vẽ) * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Bản đồ các địa mảng của lớp vỏ TĐ |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **14** | * **Bài 11:** Thực hành: Sự phân bố các lục địa và đại dương trên bề mặt Trái Đất * ***Kiến thức:*** Biết tỉ lệ lục địa, đai dương và sự phân bố lục địa, đại dương trên bề mặt Trái Đất. * ***Kĩ năng:*** Xác định được 6 lục địa, 4 đại dương và 7 mảng kiến tạo lớn (Âu - Á, Phi, Ấn Độ, Bắc Mĩ, Nam Mĩ, Nam Cực, Thái Bình Dương) trên bản đồ hoặc quả địa cầu. * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Bảng số liệu: Diện tích các lục địa, đại dương | Câu 3: không yêu cầu HS làm | 1 tiết  1 tiết |  |
| **15** | ***CHƯƠNG II: CÁC THÀNH PHẦN TỰ NHIỆN CỦA TRÁI ĐẤT***   * **Bài 12:** Tác động của nội, ngoại lực trong việc hình thành địa hình bề mặt Trái Đất * ***Kiến thức:*** Biết được khái niệm nội lực, ngoại lực và biết được tác động của chúng đến địa hình trên bề mặt Trái Đất; Nêu được hiện tượng động đất, núi lửa và tác hại của chúng. Biết được khái niệm mácma * ***Kĩ năng:*** Rèn kĩ năng quan sát tranh * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Hình ảnh về: cấu trúc bên trong của núi lửa; tác hại của núi lửa; tác động của gió… |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **16** | * **Bài 13:** Địa hình bề mặt Trái Đất * ***Kiến thức:*** Nêu được đặc điểm hình dạng, độ cao của núi; ý nghĩa của các dạng địa hình đối với sản xuất nông nghiệp * ***Kĩ năng:*** Nhận biết được 4 dạng địa hình (núi, đồi, bình nguyên, cao nguyên) qua tranh ảnh, mô hình ; Đọc bản đồ (hoặc lược đồ) địa hình tỉ lệ lớn. * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Hình ảnh: Dãy Himalaya, núi đá vôi… * Bảng số liệu: phân loại núi |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **17** | * **Bài 14:** Địa hình bề mặt Trái Đất (tiếp theo) * ***Kiến thức:*** Nêu được đặc điểm hình dạng, độ cao của bình nguyê, cao nguyên, đồi; ý nghĩa của các dạng địa hình đối với sản xuất nông nghiệp * ***Kĩ năng:*** Nhận biết được 4 dạng địa hình (núi, đồi, bình nguyên, cao nguyên) qua tranh ảnh, mô hình ; Đọc bản đô (hoặc lược đồ) địa hình tỉ lệ lớn. * **Luyện tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Hình ảnh: bình nguyên, cao nguyên |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **18** | * **Luyện tập** * **Luyện tập** | * Đề cương ôn tập |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **19** | * **Ôn tập** * **Ôn tập** | * Đề cương ôn tập |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **20** | * **Ôn tập** * **Ôn tập** | * Đề cương ôn tập |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **21** | * **THI HỌC KÌ I** |  |  |  |  |
| **22** | **HỌC KÌ II**   * **Bài 15:** Các mỏ khoáng sản * ***Kiến thức:*** Nêu được khái niệm: khoáng sản, mỏ khoáng sản, mỏ nội sinh, mỏ ngoại sinh. Kể tên và nêu được công dụng của một số loại khoáng sản phổ biến. * ***Kĩ năng:*** Nhận biết một số loại khoáng sản qua mẫu vật (hoặc qua ảnh màu): than, quặng đồng, đá vôi, apatit... | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Hình ảnh: Quặng sắt, đồng… |  | 2 tiết |  |
| **23** | * **Bài 16:** Thực hành: Đọc bản đồ địa hình tỉ lệ lớn * ***Kiến thức:*** Học sinh biết khái niệm đường đồng mức; Có khả năng đo, tính độ cao và khoảng cách thực địa dựa vào bản đồ * ***Kĩ năng:*** Kĩ năng đọc và sử dụng các bản đồ có tỉ lệ lớn các đường đồng mức | * Kênh hình, kênh chữ SGK |  | 2 tiết |  |
| **24** | * **Bài 17:** Lớp vỏ khí * ***Kiến thức:*** Biết được thành phần của không khí, tỉ lệ của mỗi thành phần trong lớp vỏ khí; biết vai trò của hơi nước trong lớp vỏ khí; Biết các tầng của lớp vỏ khí: tầng đối lưu, tầng bình lưu, các tầng cao và đặc điểm chính của mỗi tầng; Nêu được sự khác nhau về nhiệt độ, độ ẩm của các khối khí: nóng, lạnh; đại dương, lục địa * ***Kĩ năng:*** Quan sát, nhận xét sơ đồ, hình vẽ về các tầng của lớp vỏ khí; Nhận xét hình: Các tầng của lớp vỏ khí | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Hình vẽ: cấu trúc của khí quyển, các khối khí |  | 2 tiết |  |
| **25** | * **Bài 18:** Thới tiết, khí hậu và nhiệt độ không khí. * ***Kiến thức:*** Biết được nhiệt độ của không khí; nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của nhiệt độ không khí * ***Kĩ năng:*** Quan sát, ghi chép một số yếu tố thời tiết đơn giản ở địa phương (nhiệt độ, gió, mưa) trong 1 ngày (hoặc một vài ngày) qua quan sát thực tế hoặc qua bản tin dự báo thời tiết của tỉnh/ thành phố; Dựa vào bảng số liệu, tính nhiệt độ trung bình trong ngày, trong tháng, trong năm của một địa phương. | * Kênh hình, kênh chữ SGK | Câu hỏi 2 không yêu cầu HS trả lời | 2 tiết |  |
| **26** | * **Bài 19:** Khí áp và gió trên Trái Đất * ***Kiến thức:*** Nêu được khái niệm khí áp và trình bày được sự phân bố các đai khí áp cao và thấp trên Trái Đất; Nêu được tên, phạm vi hoạt động và hướng của các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất ; Nêu nhau giữa thời tiết và khí hậu được sự khác * ***Kĩ năng:*** Quan sát, nhận xét sơ đồ, hình vẽ các đai khí áp và gió, 5 đới khí hậu chính trên Trái Đất; Nhận xét các hình: Các đai khí áp và các loại gió chính | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Sơ đồ các đai khí áp trên TĐ, các loại gió chính trên TĐ | Câu 2 và 3: không yêu cầu HS làm | 2 tiết |  |
| **27** | * **Bài 20:** Hơi nước trong không khí. Mưa * ***Kiến thức:*** Biết được vì sao không khí có độ ẩm và mối quan hệ giữa nhận xét được nhiệt độ không khí và độ ẩm ; Trình bày được quá trình tạo thành mây, mưa. Sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất * ***Kĩ năng:*** Dựa vào bảng số liệu, tính lượng mưa trong ngày, trong tháng, trong năm và lượng mưa trung bình năm của một địa phương; Đọc bản đồ phân bố lượng mưa trên thế giới và rút ra nhận xét về sự phân bố lượng mưa trên thế giới. | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Bản đồ; phân bố lượng mưa trung bình trên TĐ * Bảng số liệu: lượng hơi nước tối đa trong không khí; lương mưa tại TP.HCM |  | 2 tiết |  |
| **28** | * **Bài 21:** Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa * ***Kiến thức:*** Học sinh biết cách đọc khai thác thông tin và ra nhân xét về nhiệt độ và lượng mưa của một địa phương được thể hiện trên biểu đồ; Nhận biết được dạng biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam. * ***Kĩ năng:*** Đọc biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa và rút ra nhận xét về nhiệt độ và lượng mưa của một địa phương. * **Ôn tập** | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Phiếu học tập |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **29** | * **Ôn tập** * **Ôn tập** | * Đề cương ôn tập |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **30** | * **Ôn tập** * **Ôn tập** | * Đề cương ôn tập |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| 31 | * **KIỆM TRA 1 TIẾT** * **Sửa bài kiểm tra** |  |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **32** | * **Bài 22:** Các đới khí hậu * ***Kiến thức:*** Biết được 5 đới khí hậu chính trên Trái Đất; trình bày được giới hạn và đặc điểm của từng đới * ***Kĩ năng:*** Quan sát, nhận xét sơ đồ, hình vẽ về 5 đới khí hậu chính trên Trái Đất; Nhận xét hình: 5 đới khí hậu chính trên Trái Đất | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Sơ đồ: các khới khi hậu |  | 2 tiết |  |
| **33** | * **Bài 23:** Sông và hồ * ***Kiến thức:*** Trình bày được khái niệm sông, lưu vực sông, hệ thống sông, lưu lượng nước; nêu được mối quan hệ giữa nguồn cấp nước và chế độ nước sông; Trình bày được khái niệm hồ, phân loại hồ căn cứ vào nguồn gốc, tính chất của nước * ***Kĩ năng:*** Sử dụng mô hình để mô tả hệ thống sông: sông chính, phụ lưu, chi lưu; Nhận biết nguồn gốc một số loại hồ qua tranh ảnh: hồ núi lửa, hồ băng hà, hồ móng ngựa, hồ nhân tạo… | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Bảng số liệu: lưu vực và tổng lượng nước của sông Hồng và Mê Kong * Hình ảnh về sông hồ |  | 2 tiết |  |
| **34** | * **Bài 24:** Biển và đại dương * ***Kiến thức:*** Biết được độ muối của nước biển và đại dương; nguyên nhân làm cho độ muối của các biển và đại dương không giống nhau; Trình bày được ba hình thức vận động của nước biển và đại dương là sóng, thủy triều và dòng biển. Nêu được nguyên nhân sinh ra sóng biển, thủy triều và dòng biển; Trình bày được hướng chuyển động của các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới. Nêu được ảnh hưởng của dòng biển đến nhiệt độ, lượng mưa của các vùng bờ tiếp cận với chúng * ***Kĩ năng:*** Nhận biết hiện tượng sóng biển và thủy triều qua tranh ảnh: Sử dụng bản đồ “Các dòng biển trong đại dương thế giới” để kể tên một số dòng biển lớn và hướng chảy của chúng: dòng biển Gơn- xtrim, Cư-rô-si-ô, Pê-ru, Ben-ghê-la. | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Bản đồ các dòng biển trên thế giới |  | 2 tiết |  |
| **35** | * **Bài 25:** Thực hành:sự chuyển động của các dòng biển * Ôn tập * ***Kiến thức:*** Xác định vị trí, hướng chảy của các dòng biển nóng và lạnh trên bản đồ; Rút ra nhận xét về hướng chảy của các dòng biển nóng, lạnh trên đại dương thế giới; Nêu đựơc mối quan hệ giữa dòng biển nóng lạnh với khí hậu nơi chúng chảy qua, kể tên nhưng dòng biển chính. * ***Kĩ năng:*** Kĩ năng đọc và phân tích bản đồ | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Hình ảnh về các mẫu đất |  | 2 tiết |  |
| **36** | * **Ôn tập** * **Ôn tập** | * Đề cương ôn tập |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **37** | * **Ôn tập** * **Ôn tập** | * Đề cương ôn tập |  | 1 tiết  1 tiết |  |
| **38** | * **THI HỌC KÌ II** |  |  |  |  |
| **39** | * **Bài 26**: Đất, các nhân tố hình thành đất. * ***Kiến thức:*** Trình bày được khái niệm lớp đất, hai thành phần chính của đất; Trình bày được một số nhân tố hình thành đất * ***Kĩ năng:*** Sử dụng tranh ảnh để mô tả một phẩu diện đất: vị trí, màu sắc và độ dày của các tầng đất. | * Kênh hình, kênh chữ SGK |  | 2 tiết |  |
| **40** | * **Bài 27:** Lớp vỏ sinh vật, các nhân tố ảnh hương đến sự phân bố thực, động vật trên Trái Đất. * ***Kiến thức:*** Trình bày được khái niệm lớp vỏ sinh vật, ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên và của con người đến sự phân bố thực vật và động vật trên Trái Đất. * ***Kĩ năng:*** Sử dụng tranh ảnh để mô tả một số cảnh quan tự nhiên trên thế giới: cảnh quan rừng mưa nhiệt đới, hoang mạc nhiệt đới | * Kênh hình, kênh chữ SGK * Hình ảnh về động thực vật trên TĐ |  | 2 tiết |  |
| **41** | * Hoàn thành chương trình |  |  | 1 tiết  1 tiết |  |

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG**

**Dạy học, giảm tải, kiểm tra, đánh giá**

**NĂM HỌC 2017 – 2018**

**MÔN: Địa Lí – KHỐI 7**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **BÀI DẠY**  (Nội dung, kiến thức, kĩ năng | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG GIẢM TẢI** | **THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG KIỂM TRA** |
| **1** | LUYỆN TẬP  Cách đọc biểu đồ, bản đồ  Cách đọc, phân tích bảng số liệu  Cách xử lí số liệu, làm quen với một số công thức tính toán địa lí | Bản đồ  Bảng số liệu |  | 2 tiết |  |
| **2** | LUYỆN TẬP  Cách quan sát, nhận xét tranh ảnh  Cách tìm hiểu thông tin thực tế từ các kênh thông tin như báo chí, truyền hình | Tranh ảnh  Bài báo |  | 2 tiết |  |
| **3** | Phần 1. THÀNH PHẦN NHÂN VĂN CỦA MÔI TRƯỜNG  **Bài 1. Dân số**  **1. Kiến thức**  -Hs cần hiểu về dân số và tháp tuổi  -Dân số là nguồn lao động của địa phương  -Tình hình và nguyên nhân của sự gia tăng dân số  -Hậu quả của bùng nổ dân số tới các nước đang phát triển  **2. Kĩ năng**  -Hiểu và nhận biết được sự gia tăng dân số bùng nổ dân số qua các biểu đồ dân số  -Rèn luyện khả năng đọc thông tin từ các biểu đồ dân sô, tháp tuổi  **Bài 2. Sự phân bố dân cư. Các chủng tộc trên thế giới.**  **1. Kiến thức**  -Biết được sự phân bố dân cư không đồng đều và những vùng đông dân trên thế giới  -Nhận biết sự khác nhau và sự phân bố các chủng tộc trên thế giới  **2. Kĩ năng**  -Rèn luyện khả năng đọc biểu đồ dân cư  -Nhận biết được 3 chủng tộc tren thế giới qua ảnh và trên thức tế | -Biểu đồ  - Tháp tuổi  -Bảng số liệu  -Kênh chữ SGK  -Bản đồ  Tranh ảnh  Bảng số liệu  Kênh chữ SGK | .  Mục 3: Sự bùng nỗ dân số: từ dòng 9 đến dòng 12: không dạy**.** | 1 tiết  1 tiết |  |
| **4** | **Bài 3. Quần cư. Đô thị hóa**  **1. Kiến thức**  -Nắm được những đặc điểm cơ bản của quần cư nông thôn và quần cư đô thị  -Biết được vài nét về lịch sử phát triển đô thị và sự hình thành các siêu đô thị  **2. Kĩ năng**  -Nhận biết được quân cừ nông thôn hay đô thị qua tranh ảnh và qua thực tế  -Nhận biết được sự phân bố các siêu đô thị đông dân nhất thế giới  **Bài 4. Thực hành**  **1. Kiến thức**  -Củng cố khái niệm mật độ dân số và sự phân bố dân số không đồng đều trên thế giới  -Các khái niệm đô thị, siêu đô thị và sự phân bố các siêu đô thị trên thế giới  **2. Kĩ năng**  -Củng cố và nâng cao them kĩ năng nhận biết một số cách thể hiện mật đọ dân số, phân bố dân số và các đô thị trên thế giới  -Đọc và khai thác thông tin trên lược đồ dân số  -Đọc sự biến đổi kết cấu dân số theo độ tuổi một địa phương qua tháp tuổi | Bản đồ dân số  Tranh ảnh  Bảng số liệu  Kênh chữ SGK  Lược đồ dân số  Bản đồ dân số  Tháp tuổi  Kênh chữ SGK | Bài 4. Câu 1: không yêu cầu HS làm | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **5** | Phần 2. Chương 1.  **Bài 5. Đới nóng. Môi trường xích đạo ẩm**  **1. Kiến thức**  -Xác định được vị trí đới nóng trên thế giới và các kiểu môi trường trong đới nóng  -Trình bày được đặc điểm của môi trường xích đạo ẩm  **2. Kĩ năng**  -Đọc được biểu đò nhiệt độ và lượng mưa của môi trường xích đạo ẩm, sơ đồ lát cắt rừng rậm xích đạo xanh quanh năm  -Nhận biết được môi trường xích đạo ẩm qua đoạn văn mô tả hay tranh ảnh.  **Bài 6. Môi trường nhiệt đới**  **1. Kiến thức**  -Nắm được đặc điểm của môi trường nhiệt và của khí hậu nhiệt đới  -Nhận biết được cảnh quan đặc trưng của môi trường nhiệt đới là xavan hay đồng cỏ cao nhiệt đới  **2. Kĩ năng**  -Củng cố và rèn luyện kĩ năng đọc biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa  -Củng cố kĩ năng nhận biết môi trường địa lí cho HS qua tranh ảnh | Bản đồ khí hậu  Biểu đồ nhiệt độ lượng mưa  Kênh chữ SGK  Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa  Tranh ảnh xavan  Kênh chữ SGK | Bài 5. Câu hỏi 4: phần câu hỏi và BT: không yêu cầu HS trả lời. | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **6** | **Bài 7. Môi trường nhiệt đới gió mùa**   1. **Kiến thức**   -Nắm được sơ bộ nguyên nhân hình thành gió mùa ở đới nóng và đặc điểm gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông  -Nắm được đặc điểm cơ bản của môi trường nhiệt đới gió mùa  -Hiểu được môi trường là môi trường đặc sắc và đa dạng ở đới nóng   1. **Kĩ năng**   -Rèn luyện kĩ năng đọc bản đồ, biểu đồ địa lí, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa nhận biết khí hậu qua biểu đồ  **Bài 8. Các hình thức canh tác trong nông nghiệp ở đới nóng**  **1. Kiến thức**  -Nắm được các hình thức canh tác trong nông nghiệp  -Nắm được mối quan hệ giữa canh tác lúa nước và dân cư  **2. Kĩ năng**  -Nâng cao kĩ năng phân tích ảnh địa lí và lược đồ địa lí  -Rèn luyện kĩ năng lập sơ đồ các mối quan hệ | Lược đồ gió mùa  Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa  Kênh chữ SGK  Lược đồ thâm canh lúa nước,  ảnh về canh tác nông nghiệp  kênh chữ SGK |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **7** | **Bài 9. Hoạt động sản xuất nông nghiệp ở đới nóng**  **1. Kiến thức**  -Nắm được các mối quan hệ giữa khí hậu với nông nghiệp và đất trồng, giữa khai thác đất đai và bảo vệ đất  -Biết được một số cây trồng, vật nuôi ở các kiểu môi trường ở đới nóng.  **2. Kĩ năng**  -Luyện tập cách mô tả hiện tượng địa lí qua tranh liên hoàn và củng cố them kĩ năng đọc ảnh địa lí cho HS  -Rèn luyện kĩ năng phán đoán địa lí cho HS ở mức độ cao hơn về mối quan hệ giữa khí hậu với nông nghiệp và đất trồng, giữa khai thác và bảo vệ đất trồng  **Bài 10. Dân số và sức ép dân số tới tài nguyên, môi trường ở đới nóng**  **1. Kiến thức**  -Biết được đới nóng vừa đông dân vừa có sự bùng nổ dân số trong khi nền kinh tế còn đang trong quá trình phát triển, chưa đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người dân  -Biết được sức ép của dân số lên đời sống và các biện pháp mà các nước đang phát triển áp dụng để giảm sức ép dân số, bảo vệ tài nguyên và môi trường  **2. Kĩ năng**  -Luyện tập cách đọc, phân tích biểu đồ và sơ đồ về các mối quan hệ  -Bước đầu luyện tập cách phân tích các số liệu thống kê | Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa  kênh chữ SGK  bản đồ dân số  biểu đồ dân số  kênh chữ SGK  bảng số liệu dân số | Bài 9. Câu hỏi 3: phần câu hỏi và BT: không yêu cầu HS trả lời. | **1 tiết**  **1 tiết** | **Kiểm tra 15’** |
| **8** | **Bài 11. Di dân và sự bùng nổ đô thị ở đới nóng**  **1. Kĩ năng**  -Nắm được nguyên nhân di dân và đô thị hóa ở môi trường đới nóng  -Biết được nguyên nhân hình thành và vấn đề đang đặt ra cho các đô thị và siêu đô thị  **2. Kĩ năng**  -Bước đầu luyện tập cách phân tích các sự vật, hieenh tượng địa lí  -Củng cố các kĩ năng đọc và phân tích ảnh địa lí, lược đồ địa lí và biểu đồ hình cột  **Bài 12. Thực hành: Nhận biết đặc điểm môi trường đới nóng**  **1. Kiến thức**  -Có kiến thức về các kiểu khí hậu xích đạo ẩm, nhiệt đới và nhiệt đới gió mùa  -Về đặc điểm của các môi trường ở đới nóng  **2. Kĩ năng**  -Kĩ năng nhận biết môi trường qua ảnh địa lí, qua biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa | Bản đồ đô thị  Hình ảnh  kênh chữ SGK  Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa  Hình ảnh  Kênh chữ SGK |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **9** | **Chương 2**  **Bài 13. Môi trường đới ôn hòa**  **1. Kiến thức**  -Nắm được 2 đặc điểm cơ bản của môi trường đới ôn hòa  -Hiểu và phân tích được sự khác biệt giữa các kiểu khí hậu của đới ôn hòa qua biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa  -Thấy đước sự thay đổi của nhiệt độ và lượng mưa có ảnh hưởng đến sự phân bố các kiểu rừng ở đới ôn hòa  **2. Kĩ năng**  -Củng cố kĩ năng đọc và phân tích ảnh và bản đồ địa lí  **Bài 14. Hoạt động nông nghiệp ở đới ôn hòa.**  **1. Kiến thức**  -Hiểu được cách sử dụng đất đai ở đới ôn hòa  -Biết được nền nông nghiệp đới ôn hòa đã tạo ra được những sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng tiêu dung và xuất khẩu, cho công nghiệp chế biến, khác phục những khó khăn những bất lợi về thời tiết, khí hậu gây ra cho nông nghiệp  -Biết 2 hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp chính.  **2. Kĩ năng:** đọc và phân tích kênh hình SGK | Lược đồ khí hậu  Bảng số liệu  Kênh chữ, kênh hình SGK  Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa  Kênh hình, kênh chữ SGK |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **10** | **Bài 15. Hoạt động công nghiệp ở đới ôn hòa**  **1. Kiến thức**  -Nắm được nền công nghiệp đới ôn hòa là nền công nghiệp hiện đại, thể hiện trong công nghiệp chế biến  -Biết và phân biệt được các cảnh quan CN phổ biến ở đới ôn hòa: Khu CN, trung tâm CN, vùng CN.  **2. Kĩ năng**  -Luyện tập kĩ năng phân tích bố cục một ảnh địa lí.  **Bài 16. Đô thị hóa ở đới ôn hòa**  **1. Kiến thức**  -Hiểu được những đặc điểm cơ bản của đô thị hóa ở đới ôn hòa  -Những vấn đề nảy sinh trong quá trình đô thị hóa ở các nước và cách giải quyết.  **2. Kĩ năng**  -Có kĩ năng nhận biết đô thị cổ và đô thị mới qua ảnh. | Lược đồ công nghiệp  Kênh hình, kênh chữ SGK  Lược đồ dân số  Kênh hình, kênh chữ SGK |  | **1 tiết**  **1 tiết** | Kiểm tra 15 phút |
| **11** | **Luện tập.**  **1. Kiến thức**  -Hệ thống lại kiến thức về dân số, dân cư, đô thị  -Hệ thống lại được những kiến thức cơ bản của các môi trường tự nhiên đới nóng và đới ôn hòa. Ảnh hưởng của tự nhiên đến các hoạt động kinh tế của con người ở từng môi trường.  **2. Kĩ năng**  -Thấy được tác động, ảnh hưởng của các hoạt động kinh tế tới môi trường và biện pháp khắc phục  -Rèn và nâng cao kĩ năng đọc, phân tích ảnh, biểu đồ, bản đồ địa lí. Nhận biết mối quan hệ giữa ảnh với biểu đồ, giữa kiến thức và kênh hình. | Lược đồ, sơ đồ  Biểu đồ  Kênh chữ và kênh hình |  | **2 tiết** |  |
| **12** | **Ôn tập và kiểm tra 1 tiết** |  |  | **2 tiết** | Kiểm tra 1 tiết |
| **13** | **Bài 17. Ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa**  **1. Kĩ năng**  -Biết được những nguyên nhân gây ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước ở các nước phát triển.  -Biết được hậu quả do ô nhiễm không khí và nước gảya cho thiên nhiên và con người không chỉ ở đới ôn hòa mà toàn thế giới  **2. Kĩ năng**  -Luyện kĩ năng vẽ biểu đồ hình cột và phân tích ảnh địa lí.  -Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho HS.  **Bài 18. Thực hành: Nhận biết đặc điểm môi trường đới ôn hòa**  **1. Kiến thức**  -Các kiểu rừng ở đới ôn hòa và nhận biết được qua ảnh địa lí.  -Ô nhiễm không khí ở đới ôn hòa  **2. Kĩ năng**  -Biết vẽ, đọc, phân tích biểu đồ gia tăng lượng khí thải độc hại.  -Cách tìm các tháng khô hạn trên biểu đồ khí hậu. |  | Bài 18: **Câu 2:**không yêu cầu HS làm.  **Câu 3:**không yêu cầu vẽ biểu đồ, GV hướng dẫn HS nhận xét và giải thích. | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **14** | **Chương 3.**  **Bài 19. Môi trường hoang mạc**  **1. Kiến thức**   * Nắm được đặc điểm cơ bản của hoang mạc, phân biệt được sự khác nhau giữa hoang mạc nóng, hoang mạc lạnh   **2. Kĩ năng**   * Rèn kĩ năng đọc, so sánh biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa. * Phân tích ảnh địa lí, lược đồ địa lí * Biết được cách thích nghi của ĐV, TV với MT hoang mạc   **Bài 20. Hoạt động kinh tế của con người ở hoang mạc**  **1. Kiến thức**   * Hiểu biết các hoạt động kinh tế cổ truyền và hiện đại của con người trong các hoang mạc, qua đó làm nổi bật khả năng thích ứng của con người đối với MT. Nguyên nhân hoang mạc hóa đang mở rộng.   **2. Kĩ năng.**  - Rèn kĩ năng phân tích ảnh địa và tư duy tổng hợp địa lí.  - Nắm được những biện pháp, cải tạo hoang mạc hiện nay để ứng dụng và cuộc sống và cải tạo môi trường sống | Lược đồ phân bố hoang mạc  Biểu đồ nhiệt đọ và lượng mưa  Kênh hình và kênh chữ SGK  Kênh hình và kênh chữ SGK |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **15** | **Chương 4.**  **Bài 21. Môi trường đới lạnh**  **1. Kiến thức**  - Nắm được những đặc điểm cơ bản của đới lạnh.  - Biết được cách thíh nghi của ĐV, TV để tồn tại và phát triển trong môi trường đới lạnh.  **2. Kĩ năng**.  - Rèn luyện thêm các kĩ năng đọc, phân tích lược đồ và ảnh địa lí, đọc biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của đới lạnh.  **Bài 22. Hoạt động kinh tế của con người ở đới lạnh**  **1. Kiến thức**  - Thấy được các hoạt đọng kinh tế cổ truyền ở đới lạnh cũng như các hoạt đọng kinh tế hiện đại, những khó khăn trong hoạt động kinh tế ở đới lạnh.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng đọc, phân tích lược đồ và ảnh địa lí, kĩ năng vẽ sơ đồ về mối quan hệ. | Lược đồ  Biểu đồ  Kênh hình và kênh chữ SGK  Lược đồ  Biểu đồ  Kênh hình và kênh chữ SGK |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **16** | **Chương 5.**  **Bài 23. Môi trường vùng núi**  **1. Kiến thức**  - Trình bày được những đặc điểm cơ bản của vùng núi (càng lên cao không khí càng lạnh và loãng, thực vật phân tầng theo độ cao).  - Biết được cách cư trú khác nhau của con người ở các vùng núi trên TG.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng đọc, phân tích ản địa lí và cách đọc lát cắt một ngọn núi.  **Bài 24. Hoạt động kinh tế của con người ở vùng núi.**  **1. Kiến thức**  - Biết được hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc ở vùng núi (chăn nuôi, trồng trọt, khai thác lâm sản…)  - Biết được những điều kiện phát triển kinh tế vùng núi và những hoạt động kinh tế hiện đại của vùng núi cũng như hậu quả tới môi trường  **1. Kĩ năng**  - Rèn luyện kĩ năng ddoixcj và phân tích ảnh địa lí. | Sơ đồ  Kênh hình và kênh chữ SGK  Kênh hình và kênh chữ SGK |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **17** | **Bài 25. Thế giới rộng lớn và đa dạng**  **1. Kiến thức**  - Biết được sự phân chia thế giới thành lục địa và châu lục  - Hiểu một số khái niệm kinh tế cần thiết: thu thập bình quân theo đầu người, tỉ lệ tử vong của TE và chỉ số phát triển của con người theo đầu người.  **2. kĩ năng**  - Sử dụng các khái niệm này để phân loại các nước trên thế giới.  **Chương 6,**  **Bài 26. Thiên nhiên châu Phi**  **1. Kiến thức**  - Biết được đặc điểm về vị trí địa lí, hình dạng lục địa, đặc điểm về địa hình, khoáng sản của Châu Phi  **2. Kĩ năng**  - Đọc và phân tích được lược đồ tự nhiên để tỉma vị trí địa lí, đặc điểm địa hình và sự phân bố khoáng sản của Châu Ph | Lược đồ  Bảng số liệu  Kênh chữ SGK  Lược đồ châu phi  Kênh chữ SGK |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **18** | **Bài 27. Thiên nhiên châu Phi**  **1. Kiến thức**  - Biết đặc điểm các môi trường tự nhiên ở châu Phi, cũng như sự phân bố các môi trường đó.  - Hiểu rõ mối quan hệ qua lại giữa vị trí địa lí với khí hậu, giữa khí hậu với sự phân bố các môi trường tự nhiên châu Phi.  2. Kĩ năng  Rèn kĩ năng đọc lược đồ, ảnh địa lí.  **Bài 28. Thực hành**  **1. Kiến thức**  - Nắm vững sự phân bố các môi trường tự nhiên ở Châu Phi và giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân bố đó.  **2. Kĩ năng**  - Nắm vững cách phân tích một biểu đồ khí hậu ở Châu Phi và xác định được trên lược đồ các môi trường TN Châu Phi, vị trí, địa điểm của các biểu đồ đó | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Biểu đồ  Bảng số liệuKênh hình và kênh chữ |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **19** | **Bài 29. Dân cư, xã hội châu Phi**  **1. Kiến thức**  - Nắm vững sự phân bố dân cư rất không đều ở Châu Phi  - Hiểu rõ những hậu quả của lịch sử để lại qua việc buôn bán nô lệ và thuộc địa hóa bở các cường quốc phương Tây  - Hiểu được sự bùng nổ dân số không thể kiểm soát được và sự xung đột sắc tộc triền miên đang cản trở sự phát triển của châu Phi.  **2. Kĩ năng**  - Đọc lược đồ dân cư  Phân tích số liệu, biểu đồ dân số  **Bài 30. Kinh tế châu Phi**  **1. Kiến thức**  - Hiểu đặc điểm CN, NN châu Phi cũng như tình hình phát triển NN, CN ở châu Phi  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng đọc và phân tích lược đồ để hiểu rõ sự phân bố các ngành NN và CN ở châu Phi | Bản đồ dân số  Bảng số liệu  Kênh hình và kênh chữ  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ | **Bài 29. Mục 1: phần a: Sơ lược lịch sử:không dạy** | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **20** | **Bài 31. Kinh tế châu Phi**  **1. Kiến thức**  - Nắm vững cấu trúc đơn giản của nền kinh tế các nước châu Phi.  - Hiểu rõ sự đô thị hóa nhanh nhưng không tương xứng với trình độ phát triển CN làm xuất hiện nhiều vấn đề kinh tế - xã hội phải giải quyết  **Bài 32. CÁC KHU VỰC CHÂU PHI**  **1. Kiến thức**  - Thấy được sự phân hóa châu Phi thành 3 khu vực.  - Nắm được các đặc điểm tự nhiên và kinh tế của khu vực Bắc Phi, Trung Phi cũng như các đặc điểm tôn giáo, văn hóa  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng đọc, phân tích lược đồ, xác định các quốc gia của từng khu vực. | Lược đồ  Kênhình và kênh chữ  Bảng số liệu   * Lược đồ   Kênh hình và kênh chữ |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **21** | **Bài 33. CÁC KHU VỰC CHÂU PHI (Tiếp)**  **2. Kiến thức**  - Nắm vững đặc điểm Tự nhiên Kinh tế - Xã hội của khu vực Nam Phi.  - So sánh với 2 khu vực đã học để thấy được những điểm khác nhau  **2. Kĩ năng**  - Rèn luyện kĩ năng đọc và phân tích bản đồ  **Bài 34. THỰC HÀNHSO SÁNH NỀN KINH TẾ CỦA BA KHU VỰC CHÂU PHI**  **1. Kiến thức**  - sự khác biệt trong thu nhập bình quân/ người giữa các quốc gia của châu Phi.  - Nắm vững sự khác biệt trong nền kinh tế của 3 khu vực.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng sử dụng lược đồ để xác định mức thu nhập bình quân/ người ở từng quốc gia. | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Lược đồ |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **22** | **Ôn tập**  **1. Kiến thức**  - Hệ thống lại các kiến thức  + về dân số, môi trường  + điểm tự nhiên của các kiểu môi trường  + hoạt động kinh tế của con người ở các môi trường  **2. Kĩ năng**  - Đọc và phân tích, nhận biết bản đồ, lược đồ, biểu đồ.  - Đọc tranh ảnh để mô tả, nhận biết về đặc điểm tự nhiên và hoạt động kinh tế của con người | Bản đồ, biểu đồ, sơ đồ  Tranh ảnh, bảng số liệu  Kênh hình và kênh chữ |  | **2 tiết** |  |
| **23** | **Ôn tập. thi học kì I** |  |  |  | **Kiểm tra HKI** |
| **24** | **BÀI 35: KHÁI QUÁT CHÂU MĨ**  **1. Kiến thức**  - Nắm vững vị trí địa lí, hình dạng, kích thước, lãnh thổ, để hiểu rõ châu Mĩ là một lãnh thổ rộng lớn.  - Hiểu rõ châu Mĩ là lãnh thổ của dân nhập cư từ châu Âu và quá trình nhập cư này gắn liền với sự tiêu diệt của thổ dân  **2. Kĩ năng**  - Quan sát và khai thác kiến thức từ kênh chữ, kênh hình  **BÀI 36: THIÊN NHIÊN BẮC MĨ**  **1. Kiến thức**  - Nắm vững đặc điểm địa hình, sự phân hóa địa hình theo hướng kinh tuyến kéo theo sự phân hóa khí hậu ở Bắc Mĩ  - Xác định được mối quan hệ giữa địa hình và khí hậu ở các bộ phận địa hình trên lãnh thổ Bắc Mĩ.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng đọc, phân tích lược đồ khí hậu, lát cắt địa hình. | **-** lược đồ  - kênh hình và kênh chữ  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Lát cắt địa hình |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **25** | **BÀI 37: DÂN CƯ BẮC MĨ**  **1. Kiến thức**  - Nắm vững sự phân bố dân cư khác nhau ở phía Đ và phía T kinh tuyến 100T.  - Hiểu rõ các luồng di cư từ vùng hồ lớn xuống vành đai Mặt Trời từ Mêhicô sang lãnh thổ Hoa Kì, tầm quan trọng của quá trình đô thị hóa  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng qua việc phân tích lược đồ phân bố dân cư Bắc Mĩ  **Bài 38 : KINH TẾ BẮC MỸ**  **1. Kiến thức**  - SX nông nghiệp phụ thuộc vào thương mại và tài chính có khó khăn về thiên tai.  - HS nắm được nền nông nghiệp BẮC MĨ  - Sự phân bố một số nông sản cảu Bắc Mĩ  **2. Kĩ năng**  - Phân tích lược đồ  - Hiểu sự phân bố các ngành nông nghiệp và công nghiệp Bắc Mĩ | **Bản đồ**  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Bảng số liệu  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **26** | **Bài 39 : KINH TẾ BẮC MỸ**  ***(Tiếp theo)***  **1. Kiến thức**  - HS nắm được nền công Nghiệp Bắc Mĩ phát triển ở trỡnh độ cao,sự gắn bó mật thiết giữi công nghiệp và dịch vụ,công nghiệp chế biến chiếm ưa thế.  - Trong công nghiệp đang có sự chuyển biến trong phân bố sản xuất hỡnh thành cỏc trung tõm kinh tế ,dịch vụ lớn.  - Mối quan hệ giữa các thành viên NAFTA và vai trò của Hoa kỳ trong NAFTA.  **2. Kĩ năng**  - Phân tích lược đồ  - Phân tích một số hình ảnh cụ thể về các ngành công nghiệp hiện đại  **Bài 40 : THỰC HÀNH**  TÌM HIỂU VÙNG CÔNG NGHIỆTRUYỀN THỐNG Ở ĐÔNG BẮC HOA KỲ VÀ VÙNG CÔNG NGHIỆP “VÀNH ĐAI MẶT TRỜI”  **1. Kiến thức**  - Cuộc CMKHKT làm thay đổi sự phân bố sx CN ở HK  - Sự thay đổi trong cơ cấu sx  **2. Kĩ năng**  - Rèn kỹ năng phân tích lược đồ | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **27** | **Bài 41 . THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ**  **1. Kiến thức**  - HS hiểu rõ vị trí, giới hạn Trung và NM  - Đặc điểm địa hình eo đất TM và quần đảo Ăng ti  **2. Kĩ năng**  - Đọc và phân tích LĐ để tìm ra vị trí ĐL , đặc điểm ĐH Trung và NM  **Bài 42. THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ**  **(*tiếp theo)***  **1. Kiến thức**  - Nắm vững vị trí địa lí hình dạng lãnh thổ và kích thước Trung và Nam Mĩ để thấy được đây là một không gian khổng lồ  - Nắm vững được các kiểu môi trường ở Trung và Nam Mĩ  **2. Kĩ năng:** Xác các kiểu môi trường | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ |  | **1 tiết**  **1 tiết** | Kiểm tra 15 phút |
| **28** | **Bài 43 .DÂN CƯ - XÃ HỘI TRUNG VÀ NAM MỸ**  **1. Kiến thức**  - HS hiểu rõ vị trí các nước trong khu vục Trung và NM  - Đặc điểm dân cư Trung và NM , nền văn hoá Latinh  **2. Kĩ năng**  - Quan sát khai thác bản đồ dân cư.  **Bài 44. KINH TẾ TRUNG VÀ NAM MỸ**  **1. Kiến thức**  - Sự phân chia đất đai ở Trung và NM không đồng đều .  - Cải cách ruộng đất ở T và NM ít thành công  - Sự phân bố nông nghiệp ở T và Nam Mĩ  **1. Kĩ năng**  - Đọc và phân tích LĐ để tìm ra vị trí ĐL , đặc điểm ĐH Trung và NM | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ | * Bài 43. Mục 1: Sơ lược lịch sử: không dạy | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **29** | **Bài 45. *KINH TẾ TRUNG VÀ NAM MĨ***  (tiếp theo)  **2. Kiến thức**   * Tình hình phátt triển và phân bố sản xuất CN ở T và NM * Việc khai thác rừng Amadon * Vai trò KT của khối thị trường chung NM Meccôxua   **2. Kĩ năng**   * Đọc và phân tích LĐ để thấy rõ sự phân bố các siêu đô thị ở T và NM   **Bài 46. : THỰC HÀNH**  **SỰ PHÂN HOÁ CỦA THẢM THỰC VẬT Ở SƯỜN ĐÔNG VÀ SƯỜN TÂY AN ĐÉT**  **1. Kiến thức**  **-** HS nắm được sự phân hoá MT theo độ cao  **2. kĩ năng**  **-** Đọc ,mô tả và pt LĐ , ảnh ĐL.  - Nhận biết MT TN qua tranh ảnh | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Lát cắt địa hình  Kênh hình và kênh chữ |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **30**  **31** | **Nghỉ TẾT** |  |  |  |  |
| **32** | **Bài 47. CHÂU NAM CỰC**  **CHÂU LỤC LẠNH NHẤT THẾ GIỚI**  **1. Kiến thức**   * Đặc điểm tự nhiên của Châu Lục ở Cực Nam Trái Đất * Một số nét đặc trưng về quá trình khám phá và nghiên cứu Châu Nam Cực   **2. Kĩ năng**   * Đọc bản đồ Đại Lý ở các vùng cực   **Bài 48. THIÊN NHIÊN CHÂU ĐẠI DƯƠNG**  **1. Kiến thức**  - HS nắm được vị trí đại lý, giới hạn Châu ĐD gồm 4 quần đảo và lục địa Ôxtrâylia  - Đặc điểm tự nhiên lục địa Ôxtrâylia và các quần đảo  **2. Kĩ năng**  - Rèn luyện thêm khái niệm đọc BĐ, phân tích , so sánh , số liệu thống kê | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Biểu đồ  Lát cắt địa hình  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Biểu đồ |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **33** | **Bài 49. DÂN CƯ – KINH TẾ CHÂU ĐẠI DƯƠNG**  **1. Kiến thức**  - HS nắm được đặc điểm DC Châu ĐD  - Sự phát triển KT – XH Châu ĐD .  **2. Kĩ năng**  - Phân tích lược đồ  -Hiểu sự phân bố DC và sự phân bố phát triển sx  **Bài 50. THỰC HÀNH : VIẾT BÁO CÁO VỀ ĐẶC ĐIỂM**  **TỰ NHIÊN CỦA AU-STRÂY-LI-A**  **1. Kiến thức**  -Đặc điểm ĐH Ôxtrâylia  -Đặc điểm KH ( chế độ nhiệt , ẩm và giải thích diễn biến nhiệt ẩm của 3 kiểu KH ở Ôxtrâylia)  **2. Kĩ năng**  -Đọc, phân tích ảnh và bản đồ địa lí, bồi dưỡng kĩ năng nhận biết lát cắt địa hình | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Bảng số liệu  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Bảng số liệu  Lát cắt địa hình |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **34** | **ÔN TẬP**  **1. Kiến thức**  -Hệ thống lại kiến thức các châu lục về:  + vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên  + đặc điểm về tình hình dân cư, xã hội, kinh tế  **2. Kĩ năng**  -Đọc và phân tích bản đồ, lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu  -Hiểu và phân tích sự phân bố dân cư, hoạt động sản xuất kinh tế của các châu lục |  |  | **2 tiết** |  |
| **35** | **Ôn tập. kiểm tra 1 tiết** |  |  | **2 tiết** | Kiểm tra 1 tiết |
| **36** | **Bài 51. THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU**  **1. Kiến thức**  -Biết được vị trí địa lí, giới hạn của châu Âu trên bản đồ  -Trình bày và giải thích ( ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của châu Âu  **2. Kĩ năng**  -Sử dụng các bản đồ, lược đồ tự nhiên, khí hậu, châu Âu để hiểu và trình bày đặc điểm tự nhiên, của châu Âu,  -Rèn luyện cho Hs một số kỹ năng sống: Tư duy,giải quyết vấn đề, tự nhận thức ,quản lý thời gian  **BÀI 52: THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU.(tiếp theo)**  **1. Kiến thức**  -Nêu và giải thích ( ở mức độ đơn giản) sự khác nhau giữa các môi trường ôn đới hải dương, môi trường ôn đới lục địa, môi trường địa trung hải, môi trường núi cao ở châu Âu  **2. Kĩ năng**  -Rèn luyện kỹ năng phân tích biểu đồ khí hậu, lược đồ phân bố khí hậu  -Phân tích tranh ảnh để nắm được các đặc điểm, các môi trường và mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành phần thự nhiên của từng môi trường.  -Rèn luyện cho Hs một số kỹ năng sống: Tư duy,giải quyết vấn đề, tự nhận thức ,quản lý thời gian | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **37** | **Bài 53. THỰC HÀNH.**  **ĐỌC, PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ, LƯỢC ĐỒ, NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA CHÂU ÂU.**  **1. Kiến thức**  -Đặc điểm khí hậu, sự phân hoá của khí hậu Châu Âu  -Mối quan hệ giữa khí hậu và thực vật.  **2. Kĩ năng**  -Rèn kỹ năng phân tích biểu đồ khí hậu, kỷ năng so sánh các yếu tố khí hậu, diện tích của các vùng lãnh thổ có các kiểu khí hậu khác ở Châu Âu. Xác định được thảm thực vật tương đối với các kiểu khí hậu  **BÀI 54: DÂN CƯ - XÃ HỘI CHÂU ÂU**  **1. Kiến thức**  Trình bày và giải thích ( ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm dân cư, xã hội của châu Âu  -Dân cư chủ yếu thuộc chủng tộc Ơ rô pê ô it, có sự đa dạng về ngôn ngữ, văn hóa.  -Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp, cơ cấu dân số già.  -Tỉ lệ dân thành thị cao. Nguyên nhân.  **2. Kĩ năng**  -Phân tích lược đò, biểu đồ để nắm được tình hình đặc điểm dân cư, xã hội Châu Âu.  -Rèn luyện cho Hs một số kỹ năng sống: Tư duy,giải quyết vấn đề, tự nhận thức ,quản lý thời gian | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Lược đồ  Tháp tuổi  Kênh chữSGK |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **38** | **Bài 55. KINH TẾ CHÂU ÂU**  **1. Kiến thức**  -Trình bày và giải thích ( ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về kinh tế của châu Âu- Nông nghiệp: tiên tiến, có hiệu qủa cao (dẫn chứng).  -Công nghiệp: phát triển rất sớm, nền công nghiệp hiện đại (dẫn chứng).  -Dịch vụ là lĩnh vực kinh tế phát triển nhất (dẫn chứng), du lịch là ngành quan trọng và là nguồn thu ngoại tệ lớn  **2. Kĩ năng**  -Rèn luyện kỹ năng phân tích lược đồ công nghiệp, nông nghiệp.  -Rèn luyện cho Hs một số kỹ năng sống: Tư duy,giải quyết vấn đề, tự nhận thức ,quản lý thời gian  **Bài 56. KHU VỰC BẮC ÂU**  **1. Kiến thức**  -Đặc điểm, địa hình, khí hậu, tài nguyên của khu vực Bắc Âu đặc biệt là bán đảo Xcan dinavi  -Sự khai thác tài nguyên hợp lý ở khu vực Bắc Âu  **2. Kĩ năng**  -Rèn luyện kỹ năng phân tích các hình ảnh về đánh cá, rừng và bảng số liệu để thấy rõ sự khai thác đi đôi với bảo vệ rừng và biển của người dân trong khu vực Bắc Âu. | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Sơ đồ  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **39** | **Bài 57. KHU VỰC TÂY VÀ TRUNG ÂU**  **1. Kiến thức**  -Địa hình, khí hậu, khu vực Tây và Trung Âu.  -Tình hình phát triển kinh tế khu vực.  **2. Kĩ năng**  -Rèn luyện kỹ năng phân tích: Tông hợp để nắm được đặc điểm địa hình 3 miền trong khu vực  -Củng cố kỷ năng đọc, phân tích lược đồ tự nhiên để nắm vững phân bố các ngành kinh tế 3 khu vực Tây và Trung Âu.  **bài 58**. **KHU VỰC NAM ÂU**  **1. Kiến thức**  -Đặc điểm vị trí địa lí, địa hình khu vực Nam Âu, những nét chính về kinh tế khu vực.  -Vai trò của khí hậu, văn hoá, lịch sử và phong cảnh đối với du lịch Nam Âu  **2. Kĩ năng**  -Rèn kỷ năng đọc và phân tích lược đồ tự nhiên Nam Âu, biểu đồ nhiệt độ , lượng mưa, phân tích các ảnh về khu vực | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Biểu đồ |  | **1 tiết**  **1 tiết** | Kiểm tra 15 phút |
| **40** | **Ôn tập**  **1.Kiến thức**  -Hệ thống các kiến thức các châu lục  **2. Kĩ năng**  -Rèn luyện kĩ năng phân tích bản đồ, biểu đồ.  Rèn luyện các kĩ năng về so sánh, đánh giá |  |  | **2 tiết** |  |
| **41** | **Ôn tập**  **1. Kiến thức**  -Hệ thống các kiến thức các châu lục  **2. Kĩ năng**  -Rèn luyện kĩ năng phân tích bản đồ, biểu đồ.  -Rèn luyện các kĩ năng về so sánh, đánh giá |  |  | **2 tiết** |  |
| **42** | **Thi học kì II** |  |  |  |  |
| **43** | **Bài 59. KHU VỰC ĐÔNG ÂU**  **1. Kĩ năng**  Học sinh cần nắm vững:   * Đặc điểm môi trường khu vực Đông Âu * Đặc điểm và tình hình phát triển kinh tế khu vực Đông Âu   **2. Kĩ năng**   * Rèn luyện kỹ năng phân tích tổng hợp lược đồ tự nhiên với phát triển thảm thực vật để thấy được mối quan hệ giữa khí hậu và thảm thực vật.   **Bài 60. : LIÊN MINH CHÂU ÂU**  **1. Kiến thức**   * Trình bày được về Liên minh châu Âu (EU) * Liên minh châu Âu (EU) được mở rộng qua nhiều giai đoạn * Đây là hình thức liên minh cao nhất trong các hình thức tổ chức kinh tế, là tổ chức thương mại hàng đầu thế giới (dẫn chứng). * Liên minh châu Âu không ngừng mở rộng quan hệ với các nước và các tổ chức kinh tế trên toàn cầu, đặc biệt với Việt Nam   **2.Kĩ năng**  Xác định các nước gia nhập liên minh châu âu trên bản đồ | Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ  Biểu đồ  Lược đồ  Kênh hình và kênh chữ |  | **1 tiết**  **1 tiết** |  |
| **44** | **BÀI 61: THỰC HÀNH**  **ĐỌC LƯỢC ĐỒ, VẼ BIỂU ĐỒ**  **CƠ CẤU KINH TẾ CHÂU ÂU**  **1. Kiến thức**   * Nắm vững vị trí địa lí một số quốc gia ở châu Âu theo các cách phân loại khác nhau * Nắm vững cách vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế của một số quốc gia châu Âu .   **2. Kĩ năng:** Đọc lược đồ, phân tích biểu đồ. | Lược đồ  Bảng số liệu |  | **1 tiết** |  |

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG**

**Dạy học,giảm tải, kiểm tra, đánh giá**

**NĂM HỌC 2017 – 2018**

**MÔN: Địa Lí – KHỐI 8**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **BÀI DẠY**  (Nội dung, kiến thức, kĩ năng) | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG GIẢM TẢI** | **THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG KIỂM TRA** |
| **1** | Luyện tập: Vẽ biểu đồ cột |  |  | **2 tiết** |  |
| **2** | Luyện tập: Phân tích biểu đồ khí hậu |  |  | **2 tiết** |  |
| **3** | Luyện tập: Đọc lược đồ các châu lục đã học |  |  | **2 tiết** |  |
| **4** | Luyện tập: Vẽ biểu đồ đường |  |  | **2 tiết** |  |
| **5** | Luyện tập: kĩ năng phân tích số liệu thống kê |  |  | **2 tiết** |  |
| **6** | **Bài 1:** Vị trí địa lý, địa hình và khoáng sản  - Kiến thức: Biết được VTĐL, giới hạn của Châu Á trên bản đồ. Đặc điểm kích thước, địa hình, khoáng sản của Châu Á  - Kĩ năng: đọc lược đồ VTĐL, địa hình Châu Á | Lược đồ SGK, Bản đồ tự nhiên Châu Á |  | 1 tiết | - Xác định ranh giới Châu Á  - Nêu đặc điểm địa hình |
| **6**  **7** | **Bài 2:** Khí hậu châu Á  - Kiến thức: Trình bày, giải thích khí hậu Châu Á. Nêu và giải thích sự khác nhau kiểu khí hạu lục địa và gió mùa ở Châu Á  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, phân tích biểu đồ khí hậu | Hình 2.1  Bản đồ khí hậu châu Á | Câu 2 bài tập | 2 tiết | - Đặc điểm khí hậu.  - Đặc điểm các kiểu Khí hậu |
| **7** | **Bài 3:** Sông ngòi và cảnh quan châu Á  - Kiến thức: Đặc điểm và giá trị kinh tế sông ngòi Châu Á. Các cảnh quan ở Châu Á và giải thích sự phân bố  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, bản đồ, tranh ảnh về sông và cảnh quan. | Lược đồ, tranh ảnh SGK, hình 1.2/5 |  | 1 tiết | Đặc điểm và giá trị kinh tế sông ngòi |
| **8** | **Bài 4:** Thực hành: Phân tích hoàn lưu gió mùa ở Châu Á.  - Kiến thức: tìm hiểu về hoàn lưu gió mùa ở Châu Á  - Kĩ năng: Đọc lược đồ khí áp và gió  **Kiểm tra 15 phút** | Hình 4.1; 4.2 |  | 2 tiết | Phạm vi hoạt động và hướng gió ở các khu vực |
| **9** | **Bài 5:** Đặc điểm dân cư xã hội châu Á  - Kiến thức: Đặc điểm nổi bậc của dân cư, xã hội Châu Á  - Kĩ năng: Phân tích số liệu thống kê, đọc lược đồ, tranh ảnh | Bảng 5.1, hình 5.1,5.2 | Yêu cầu vẽ biểu đồ câu 2 | 1 tiết | Đặc điểm dân số |
| **9** | **Bài 6:** Thực hành: Đọc phân tích lược đồ phân bố dân cư và các thành phố lớn ở châu Á  - Kiến thức: Nhận xét sự phân bố dân cư, phân bó các siêu đô thị ở Châu Á  - Kĩ năng: Đọc và điền lược đồ | Hình 6.1 |  | 1 tiết |  |
| **10** | **Bài 7:** Đặc điểm phát triển kinh tế xã hội các nước châu Á  - Kiến thức: Trình bày và giải thích một số đặc điểm kinh tế của Châu Á  - Kĩ năng: Phân tích số liệu. | Bảng 7.2 | Mục 1; câu 2 bài tập | 1 tiết | Đặc điểm phát triển kinh tế |
| **10**  **11** | **Bài 8:** Tình hình phát triển kinh tế xã hội các nước châu Á  - Kiến thức: Tình hình phát triển các ngành kinh tế và phân bố  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, biểu đồ, phân tích số liệu thống kê | Hình 8.1, 8.2, 8.3; Bảng 8.1; Bản đồ kinh tế châu Á |  | 2 tiết | Kĩ năng đọc lược đồ  Đặc điểm NN, CN |
| **11**  **12** | **Bài 9:** Khu vực Tây Nam Á  - Kiến thức: Đặc điểm nổi bậc tự nhiên, dân cư-xã hội, kinh tế của khu vực TNA  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, bản đồ  **Kiểm tra 15 phút** | Hình 9.1, 9.2, 9.3, 9.4. Bản đồ khu vực TNA |  | 2 tiết | Phạm vi TNA; đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế TNA |
| **12** | **Bài 10:** Điều kiện tự nhiên khu vực Nam Á  - Kiến thức: Đặc điểm nổi bậc tự nhiên khu vực NA  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, bản đồ | Hình 10.1, 10.2, 10.3; Bản đồ tự nhiên khu vực Nam Á |  | 1 tiết | Địa hình, khí hậu, phạm vi Nam Á |
| **13** | **Bài 11:** Dân cư đặc điểm khu vực Nam Á  - Kiến thức: Đặc điểm nổi bậc dân cư-xã hội, kinh tế của khu vực NA  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, bản đồ, phân tích số liệu thống kê | Hình 11.1, 11.2, 11.3; Bảng 11.1, 11.2; Bản đồ kinh tế Nam Á |  | 1 tiết | Dân cư, kinh tế. |
| **13** | **Bài 12:** Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á  - Kiến thức: Đặc điểm nổi bậc tự nhiên khu vực Đông Á  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, bản đồ | Hình 12.1, 12.2; Bản đồ khu vực Đông Á |  | 1 tiết | Địa hình, khí hậu, sông ngòi |
| **14** | **Bài 13:** Tình hình phát triển kinh tế xã hội khu vực Đông Á  - Kiến thức: Đặc điểm nổi bậc dân cư-xã hội, kinh tế của khu vực ĐA  - Kĩ năng: Phân tích số liệu thống kê.  **Kiểm tra 15 phút** các khu vực của Châu Á | Bảng 13.1, 13.2, 13.3 |  | 1 tiết  1 tiết | Đặc điểm phát triển kinh tế |
| **15** | **Ôn tập kiểm tra 1 tiết**  **- Kiến thức:** Đặc điểm tự nhiên Châu Á, khu vực Nam Á, Đông Á.  Đặc điểm dân cư Đông Á, Nam Á  Đặc điểm phát triển kinh tế Châu Á, khu vực TNA  **- Kĩ năng:** Vẽ biểu đồ cột, đọc lược đồ, phân tích số liệu thống kê |  |  | 2 tiết |  |
| **16** | **Ôn tập; kiểm tra 1 tiết** |  |  | 2 tiết |  |
| **17** | **Bài 14:** Đông Nam Á đất liền và hải đảo  - Kiến thức: Đặc điểm nổi bậc tự nhiên khu vực Đông Nam Á  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, bản đồ; Phân tích biểu đồ khí hậu | Hình 14.1, 14.2; Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á |  | 1 tiết | Lãnh thổ, địa hình, khí hậu |
| **17** | **Bài 15:** Đặc điểm dân cư xã hội Đông Nam Á  - Kiến thức: Đặc điểm nổi bậc dân cư-xã hội, của khu vực Đông Nam Á  - Kĩ năng: Phân tích số liệu thống kê; Đọc bản đồ | Bảng 15.1; Hình 15.1 |  | 1 tiết | Dân cư  Nhận xét số liệu dân số, Tính MĐDS |
| **18** | **Bài 16:** Đặc điểm kinh tế các nước Đông Nam Á  - Kiến thức: Đặc điểm nổi bậc kinh tế của khu vực ĐNA  - Kĩ năng: Phân tích số liệu thống kê, Đọc bản đồ, lược đồ. | Bảng 16.1,16.2, 16.3;Hình 16.1;Bản đồ kinh tế ĐNA |  | 1 tiết | Đặc điểm phát triển kinh tế.  Đọc lược đồ kinh tế |
| **18** | **Bài 17:** Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)  - Kiến thức: Đặc điểm nổi bậc về ASEAN  - Kĩ năng: đọc lược đồ, vẽ biểu đồ | Hình 17.1, 17.2; Bảng 17.1 |  | 1 tiết | Sự hợp tác để Phát triển KT, VN trong ASEAN |
| **19** | **Bài 18:** Thực hành: Tìm hiểu Lào và Campuchia*.* Rèn kĩ năng đọc lược đồ kinh tế khu vực ĐNA  - Kiến thức: Đặc điểm tự nhiên của Lào và Campuchia  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, bản đồ.  **Kiểm tra 15 phút** | Hình 18.1, 18.2, 16.1; Bản đồ kinh tế ĐNA |  | 1 tiết  1 tiết |  |
|  | **Bài 19:** Địa hình với tác động của nội, ngoại lực |  | Cả bài |  |  |
|  | **Bài 20:** Khí hậu và cảnh quan trên Trái Đất |  | *Cả bài* |  |  |
|  | **Bài 21:** Con người và mội trường địa lí |  | *Cả bài* |  |  |
| **20** | **Bài 22:** Việt Nam đất nước con người  - Kiến thức: Vị trí VN trên TG, VN là nước có thiên nhiên độc đáo, văn hóa lịch sử gắn với khu vực  - Kĩ năng: Nhận xét số liệu thống kê | Hình 22.1; Bảng 22.1. Bản đồ thế giới | Câu 2 phần bài tập | 1 tiết |  |
| **20** | **Bài 23:** Vị trí giới hạn hình dạng lãnh thổ Việt Nam  - Kiến thức: Đặc điểm vị trí, giới hạn, lãnh thổ. Ý nghĩa của VTĐL và lãnh thổ.  - Kĩ năng: Khai thác bản đồ | Bản đồ VN trong ĐNA | Câu 1 phần bài tập | 1 tiết | - VTĐL Việt Nam  - Ý nghĩa của VTĐL |
| **21** | **Bài 24:** Vùng biển Việt Nam  - Kiến thức: Đặc điểm và tài nguyên biển Đông  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, hình ảnh  Rèn kĩ năng đọc bản đồ về VTĐL và xác định phạm vi hành chính VN | Bản đồ VN trong khu vực ĐNA. Hình SGK |  | 2 tiết | Tài nguyên biển Đông |
| **21** | **Bài 25:** Lịch sử phát triển tự nhiên Việt Nam  - Kiến thức: Nắm sơ về quá trình hình thành lãnh thổ nước ta qua 3 giai đoạn và kết quả.  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, hình ảnh | Hình 25.1, 25.2 |  | 1 tiết |  |
| **22** | **Ôn tập kiểm tra học kì 1**  Nội dung: theo hướng dẫn chung của  cấp trên |  |  | 2 tiết |  |
| **23** | **Ôn tập kiểm tra học kì 1** |  |  | 2 tiết |  |
| **24** | **Kiểm tra học kì 1** |  |  | 1 tiết |  |
| **25** | **Bài 26:** Đặc điểm tài nguyên khoáng sản Việt Nam  - Kiến thức: Nước ta có tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng. Sự phân bố 1 số KS chính  - Kĩ năng: Đọc bản đồ KS | Hình 26.1; Bảng 26.1; A1tlat trang 8 | Mục 2; câu 3 phần bài tập | 1 tiết |  |
| **25** | **Bài 27:** Thực hành: Bản đồ Việt Nam  - Kiến thức: Đọc bản đồ để xác định VTĐL, phạm vi, các mỏ KS  - Kĩ năng: Đọc bản đồ | Bản đồ, Át lát |  | 1 tiết | Xác định VTĐL, Phạm vi VN |
| **26** | **Bài 28:** Đặc điểm địa hình Việt Nam  - Kiến thức: Đặc điểm chung của địa hình  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, Atlat | Bản đồ, Atlat, hình 28.1 |  | 1 tiết | Đặc điểm cơ bản của địa hình |
| **26** | **Bài 29:** Đặc điểm các khu vực địa hình  - Kiến thức: Vị trí, đặc điểm của các khu vực địa hình.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, Atlat | Bản đồ, Atlat. Hình 29.1, 29.2, 29.3, 29.4 29.5, 29.6 |  | 1 tiết | Đặc điểm địa hình của các khu vực |
| **27** | **Bài 30:** Thực hành đọc bản đồ địa hình.  Ôn tập  - Kiến thức: Xác dđịnh địa hình qua việc đọc lát cắt địa hình  - Kĩ năng: Đọc lat cắt, atlat.  **Kiểm tra 15 phút** | Hình 30.1; Atlat Địa lí VN |  | 2 tiết | VTĐL+Địa hình |
| ***28*** | **Bài 31:** Đặc điểm khí hậu Việt Nam  - Kiến thức: Đặc điểm chung của khí hậu  - Kĩ năng: Phân tích chế độ nhiệt và mưa. | Bảng 31.1, Hình 31.1 |  | 1 tiết | Đặc điểm khí hậu |
| **28** | **Bài 32:** Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta  - Kiến thức: Nét đặc trưng về khí hậu và thời tiết của các mùa, các miền khí hậu  - Kĩ năng: Đọc bản đồ khí hậu | Bảng 32.1; A1tlat Địa Lí VN |  | 1 tiết | Các miền, các mùa khí hậu |
| **29** | **Bài 33:** Đặc điểm sông ngòi Việt Nam  - Kiến thức: Đặc điểm chung sông ngòi sự khác biệt về chế độ nước của sông ở các miền  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, bản đồ, phân tích số liệu | Hình 33.1, 33.2; Bảng 33.1; Atlat VN |  | 1 tiết | Đặc điểm sông ngòi |
| **29** | **Bài 34:** Các hệ thống sông lớn ở nước ta.  - Kiến thức: Sự khác biệt về chế độ nước của các hệ thống sông ở các miền. Thuận lợi và khó khăn của Sông ngòi đối với sản xuất và đời sống  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, phân tích số liệu | Bảng 34.1; Atlat VN |  | 1 tiết |  |
| **30** | **Bài 35:** Thực hành về khí hậu thủy văn ở Việt Nam Bài  - Kiến thức: Phân tích chế độ nước sông. Mối quan hệ chế độ nước sông với chế độ mưa  - Kĩ năng: Đọc Atlat, phân tích số liệu | Bảng 35.1, Atlat VN |  | 1 tiết |  |
| **30** | **Ôn tập kiểm tra 1 tiết**  - Kiến thức: Vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, sông ngòi VN  - Kĩ năng: Vẽ biểu đồ khí hậu, bđồ chế độ dòng chảy sông. Đọc bản đồ, lược đồ. | Hình ảnh, bảng số liệu, atlat VN |  | 1 tiết |  |
| **31** | **Ôn tập; Kiểm tra 1 tiết** |  |  | 2 tiết |  |
| **32** | **Bài 36:** Đặc điểm đất Việt Nam  - Kiến thức: Đặc điểm chung của đất VN. Sự phân bố và giá tri kinh tế của các nhóm đất chính. Vấn đề sử dụng và cải tạo đất  - Kĩ năng: Đọc lược đồ, lát cắt, Atlat VN | Atlat VN, Hình 36.1, 36.2 |  | 1 tiết | Đặc điểm đất VN |
| **32** | **Bài 37:** Đặc điểm sinh vật Việt Nam  - Kiến thức: Đặc điểm chung Sinh vật, các kiểu hệ sinh thái  - Kĩ năng: Đọc Atlat | Atlat VN |  | 1 tiết | Đặc điểm sinh vật |
| **33** | **Bài 38:** Bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam  - Kiến thức: Giá trị kinh tế của sinh vật. Biện pháp bảo vệ sinh vât VN  **Kiểm tra 15 phút** |  |  | 2 tiết | Giá trị kinh tế của sinh vật VN |
| **34** | **Bài 39:** Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam  - Kiến thức: Đặc điểm chung của TN VN. Ảnh huởng của tự nhiên đến sản xuất và đời sống.  - Kĩ năng: tư duy địa lí, Đáng giá và phân tích mối quan hệ địa lí |  |  | 1 tiết | Đặc điểm tự nhiên |
| **34** | **Bài 40:** Thực hành:đọc lát cắt tự nhiên tổng hợp  Nội dung: Đọc lát cắt tự nhiên, biểu đồ, phân tích số liệu để hiểu rõ vế tự nhiên VN | Atlat, Bảng 40.1, hình 40.1 |  | 1 tiết |  |
| **35** | **Bài 41:** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ  - Kiến thức: Nắm được vị trí địa lí, đặc diểm tự nhiên, những thuận lợi và khó khăn của vùng  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, lát cắt. Phân tích số liệu thống kê | Hình 41.1, 41.2,Bảng 41.1; Atlat VN | Câu 3 phần bài tập | 2 tiết | Đặc điểm tự nhiên, Tài nguyên thiên nhiên |
| **36** | **Bài 42:** Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ  - Kiến thức: Nắm được vị trí địa lí, đặc diểm tự nhiên, những thuận lợi và khó khăn của vùng  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ | Hình 42.1, 42.2, Atlat VN |  | 2 tiết | Đặc điểm tự nhiên, Tài nguyên thiên nhiên |
| **37** | **Bài 43:** Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ  - Kiến thức: Nắm được vị trí địa lí, đặc diểm tự nhiên, những thuận lợi và khó khăn của vùng  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, biểu đồ. | Hình 43.1, 43.2, Atlat VN |  | 2 tiết | Đặc điểm tự nhiên, Tài nguyên thiên nhiên |
| **38** | **Ôn tập kiểm tra học kì 2**  Nội dung: theo sự thống nhất và hướng dẫn của Phòng GD |  |  | 2 tiết |  |
| ***39*** | **Ôn tập kiểm tra học kì 2**  Nội dung: theo sự thống nhất và hướng dẫn của Phòng GD |  |  | 2 tiết |  |
| **40** | **Ôn tập kiểm tra học kì 2**  Nội dung: theo sự thống nhất và hướng dẫn của Phòng GD |  |  | 2 tiết |  |
| **41** | **Kiểm tra học kì 2** |  |  |  |  |
| **42** | Sửa bài thi học kì 2  **Bài 44:**Thực hành tìm hiểu địa phương  Kiến thức: Nắm vị trí, phạm vi, giới hạn, và đặc điểm tự nhiên của địa phương em đang sống. |  |  |  |  |
| **43** | Hoàn thành chương trình |  |  |  |  |
| **44** | Hoàn thành chương trình |  |  |  |  |

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG**

**Dạy học,giảm tải, kiểm tra, đánh giá**

**NĂM HỌC 2017 – 2018**

**MÔN: Địa Lí – KHỐI 9**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **BÀI DẠY**  (Nội dung, kiến thức, kĩ năng) | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG GIẢM TẢI** | **THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG KIỂM TRA** |
| **1** | Luyện tập: Vẽ biểu đồ cột, biểu đồ đường |  |  | 2 tiết |  |
| **2** | Luyện tập: Vẽ biểu đồ tròn |  |  | 2 tiết |  |
| **3** | Luyện tập: Vẽ biểu đồ miền |  |  | 2 tiết |  |
| **4** | Luyện tập: Kĩ năng nhận xét số liệu |  |  | 2 tiết |  |
| **5** | Luyện tập: Kĩ năng đọc Atlat Địa lí VN |  |  | 2 tiết |  |
| **6** | **Bài 1:** Cộng đồng các dân tộc Việt Nam  **Kiến thức:** Nêu đặc điểm dân tộc, sự phân bố và phát triển kinh tế của các dân tộc  **Kĩ năng:** Đọc Atlat | Atlat VN |  | 1 tiết | Các dân tộc |
| **6** | **Bài 2:** Dân số và sự gia tăng dân số  **Kiến thức:** Đặc điểm dân số nước ta, nguyên nhân, hậu quả  **Kĩ năng:** Nhận xét biểu đồ, bảng số liệu | Bảng số liệu, biểu đồ GSK, Atlat VN |  | 1 tiết | Số dân, gia tăng dân số, Cơ cấu dân số |
| **7** | **Bài 3:** Phân bố dân cư và các loại hình quần cư  **Kiến thức:** MĐDS, Phân bố dân cư, Phân biệt 2 loại hình quần cư  **Kĩ năng:** Tính MĐDS, nhận xét số liệu, đọc bản đồ | Atlat VN, bảng số liệu và lược đồ SGK |  | 1 tiết |  |
| **7** | **Bài 4:** Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống  - Kiến thức: Đặc điểm nguồn lao động và sử dụng lao động. Vấn đề việc làm, hiện trạng chất lượng cuộc sống.  - Kĩ năng: Nhận xét biểu đồ, bảng số liệu | Các hình, bảng số liệu trong SGK |  | 1 tiết | -Đặc điểm nguồn LĐ  Cơ cấu LĐ  Vấn đề việc làm |
| **8** | **Bài 5:Thực hành:** Phân tích và so sánhtháp dân số năm 1989 và năm 1999  - Kiến thức: Cơ cấu dân số, Ảnh hưởng của cở cấu DS theo độ tuổi đến phát triển KT-XH. Biện pháp khắc phục.  - Kĩ năng: Phân tích biểu đồ, bảng số liệu. | Hình 5.1. Atlat VN |  | 1 tiết | - Sự thay đổi CCDS theo độ tuổi.  - Ảnh hu7o3ng của CCDS theo độ tuổi đến phat triển KT |
| **8** | **Bài 6:** Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam  - Kiến thức: Quá trình phát triển KT VN. Thành tựu của Đổi mới. Chuyển dịch CCKT.  - Kĩ năng: Phân tích biểu đồ, lược đồ  **Kiểm tra 15 phút** | Lược đồ, hình 6.1/20,  Bảng 6.1. Atlat VN | Mục 1 | 1 tiết | Chuyển dịch cơ cấu kinh tế |
| **9** | **Bài 7:** Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp  - Kiến thức: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến SXNN  - Kĩ năng: Tư duy tổng hợp kiến thức Địa lí | Hình 7.1; 7.2 |  | 1 tiết | Ảnh hưởng TN, DC-XH đến phát triển sản xuất NN |
| **9** | **Bài 8:** Sự phát triển và phân bố nông nghiệp  - Kiến thức: Tình hình phát triển, phân bố SXNN  - Kĩ năng: Nhận xét số liệu, hình ảnh. Đọc bản đồ. | Bảng 8.1, 8.2, 8.3, 8.4. Hình 8.1. Atlat VN |  | 1 tiết | - Ngành SXLT, cây CN, Chăn nuôi |
| **10** | **Bài 9:** Sự phát triển phân bố sản xuất lâm nghiệp và thủy sản  - Kiến thức: Thực trạng, phân bố lâm nghiệp, vai trò của rừng.  Sự phát triển và phân bố thủy sản  - Kĩ năng: Phân tích số liệu, bản đồ. | Hình 9.1, 9.2; Bảng 9.1, 9.2. Atlat VN | Câu 3 phần bài tập: yêu cầu vẽ biểu đồ cột | 1 tiết | Sự phát triển thủy sản.  Vai trò lâm nghiệp |
| **10**  **11** | **Bài 10:Thực hành:** Vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo các loại cây, sự tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm.  - Kiến thức: Sự thay đổi cơ cấu ngành trồng trọt, đàn gia súc, gia cầm.  - Vẽ biểu đồ, nhận xét số liệu  **Kiểm tra 15 phút** | Bảng 10.1, 10.2 |  | 2 tiết |  |
| **11** | **Bài 11:** Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp  - Kiến thức: Các nhân tố ảnh hưởng đến SXCN  - Kĩ năng: Phân tích, tư duy tổng hợp kiến thức địa lí. | Hình 11.1. Atlat VN |  | 1 tiết | Ảnh hưởng của các nhân tố đến phát triển CN |
| **12** | **Bài 12:** Sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp  - Kiến thức: Tình hình phát triển CN. Phân bố CN trọng điểm  - Kĩ năng: Phân tích hình, lược đồ, bản đồ | Hình 12.1, 12.2, 12.3; Atlat VN | Mục 3, câu 3 phần bài tập | 1 tiết | Đặc điểm phát triển 1 số ngành CN trọng điểm |
| **12** | Luyện tập: Bài tập Át lát  - Kiến thức: Kiến thức CN  - Kĩ năng: Đọc bản đồ.  **Kiểm tra 15 phút** | Atlat VN |  | 1 tiết |  |
| **13** | **Bài 13:** Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của ngành dịch vụ.  - Kiến thức: Cơ cấu, vai trò, đặc điểm phát triên và phân bố ngành DV  - Kĩ năng: Đọc hình vẽ. Tư duy tổng hợp Địa Lí. | Hình 13.1  Atlat VN |  | 1 tiết | Cơ cấu, Vai trò, Đặc điểm phát triển DV |
| **13** | **Bài 14:** Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông  - Kiến thức: Vai trò, đặc điểm phát triể, phân bố ngành GTVT và BCVT  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ. Phân tích số liệu thống kê | Bảng 14.1; Hình 14.1, 14.2, 14.3.  Atlat VN |  | 1 tiết | Giao thông vận tải |
| **14** | **Bài 15:** Thương mại và dịch vụ du lịch  - Kiến thức: Đặc điểm phát triển, phân bố ngành thương mại, du lịch.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, hình, nhận xét biểu đồ. | Hình 15.1, 15.2, 15.3, 15.4, … Atlat VN |  | 1 tiết | Thương mại.  Du lịch |
| **14**  **15** | **Bài 16:Thực hành:** Vẽ biểu đồ về thay đổi cơ cấu kinh tế  - Kiến thức: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế  - Kĩ năng: Vẽ biểu đồ, nhận xét số liệu.  **Ôn tập** | Bảng 16.1 |  | 2 tiết | Biểu đồ |
| **15** | **Ôn tập kiểm tra 1 tiết**  - Kiến thức: Phân bố dân dân cư, vấn đề việc làm. Trồng cây lương thực. CN năng lượng. Cơ cấu và vai trò dịch vụ. Thương mại.  - Kĩ năng: Vẽ biểu đồ miền, nhận xét số liệu, đọc bản đồ (Atlat) | Hình, bảng, Atlat VN |  | 1 tiết |  |
| **16** | **Ôn tập kiểm tra 1 tiết**  **Kiểm tra 1 tiết** |  |  | 2 tiết |  |
| **17** | - Sửa bài kiểm tra 1 tiết  **Bài 17:** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ  - Kiến thức: VTĐL, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa đối với phát triển KT-XH.  Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên, Ảnh hưởng của tự nhiên đến phát triển KT-XH  Đặc điểm dân cư-xã hội và ảnh hưởng đến phát triển KT-XH.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình, tranh ảnh, Bản đồ,Bảng số liệu. Atlat VN. |  | 1 tiết | VTĐL vùng, Đặc điểm tự nhiên, TNTN, Đặc điểm dân cư. |
| **17** | **Bài 18:** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (tt)  - Kiến thức: Thế mạnh kinh tế NN, CN, DV và sự phân bố.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình, tranh ảnh, Bản đồ,Bảng số liệu. Atlat VN. |  | 1 tiết | Sự phát triển kinh tế và phân bố. |
| **18** | **Bài 19:Thực hành:** Đọc bản đồ, phân tích và đánh giá các ảnh hưởng của tài nguyên, khoáng sản đối với sự phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ  - Kiến thức: Tìm hiểu phát triển CN trọng điểm ở vùng TD&MNBB  - Kĩ năng: Phân tích bản đồ, lược đồ. | Atlat, hình, bảng số liệu. |  | 1 tiết | Đọc bản đồ. |
| **18** | **Bài 20:** Vùng đồng bằng sông Hồng  - Kiến thức: VTĐL, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa đối với phát triển KT-XH.  Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên, Ảnh hưởng của tự nhiên đến phát triển KT-XH  Đặc điểm dân cư-xã hội và ảnh hưởng đến phát triển KT-XH.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình, tranh ảnh, Bản đồ,Bảng số liệu. Atlat VN. |  | 1 tiết | VTĐL vùng, Đặc điểm tự nhiên, TNTN, Đặc điểm dân cư. |
| **19** | **Bài 21:** Vùng đồng bằng sông Hồng(tt)  - Kiến thức: Thế mạnh kinh tế NN, CN, DV và sự phân bố.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình, tranh ảnh, Bản đồ,Bảng số liệu. Atlat VN. |  | 1 tiết | Sự phát triển kinh tế và phân bố. |
| **19** | **Bài 22:Thực hành:** Vẽ và phân tích biểu đồ mối quan hệ giữa dân số và sản lượng lương thực bình quân theo đầu người  - Kiến thức: Tình hình sản xuất lương thực ở ĐBSH  - Kĩ năng: Vẽ biểu đồ, tư duy địa lí.  **Kiểm tra 15 phút** | Bảng 22.1 |  | 1 tiết | Ngành SXLT ở ĐBSH |
| **20** | **Bài 23:** Vùng Bắc Trung Bộ  - Kiến thức: VTĐL, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa đối với phát triển KT-XH.  Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên, Ảnh hưởng của tự nhiên đến phát triển KT-XH  Đặc điểm dân cư-xã hội và ảnh hưởng đến phát triển KT-XH.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình, tranh ảnh, Bản đồ,Bảng số liệu. Atlat VN. |  | 1 tiết | VTĐL vùng, Đặc điểm tự nhiên, TNTN, Đặc điểm dân cư. |
| **20** | **Bài 24:** Vùng Bắc Trung Bộ(tt)  - Kiến thức: Thế mạnh kinh tế NN, CN, DV và sự phân bố.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình, tranh ảnh, Bản đồ,Bảng số liệu. Atlat VN. |  | 1 tiết | Sự phát triển kinh tế và phân bố. |
| **21** | **Bài 25:** Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ  - Kiến thức: VTĐL, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa đối với phát triển KT-XH.  Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên, Ảnh hưởng của tự nhiên đến phát triển KT-XH  Đặc điểm dân cư-xã hội và ảnh hưởng đến phát triển KT-XH.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình, tranh ảnh, Bản đồ,Bảng số liệu. Atlat VN. |  | 1 tiết | VTĐL vùng, Đặc điểm tự nhiên, TNTN, Đặc điểm dân cư. |
| **21** | **Bài 26:**Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ(tt)  - Kiến thức: Thế mạnh kinh tế NN, CN, DV và sự phân bố.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình 26.1; Bảng 26.1; A1tlat trang 8 |  |  | Sự phát triển kinh tế và phân bố |
| **22** | **Ôn tập kiểm tra học kì 1**  Nội dung: Theo sự thống nhất và hướng dẫn của tổ chuyên môn Địa lí ở PGD |  |  | 2 tiết |  |
| **23** | **Ôn tập kiểm tra học kì 1** |  |  | 2 tiết |  |
| **24** | **Thi học kì 1** |  |  | 1 tiết |  |
| **25** | **Sửa bài thi học kì 1**  **Bài 27.Thực hành:** Kinh tế biển Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.  - Nội dung: Tìm hiểu sự phát triển ngành thủy sản của vùng DHNTB và BTB  - Đọc bản đồ và lược đồ, phân tích số liệu | Bản đồ, Át lát. Bảng 27.1. |  | 2 tiết | Sự phát triển thủy sản ở DHNTB |
| **26** | **Bài 28:** Tây Nguyên  - Kiến thức: VTĐL, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa đối với phát triển KT-XH.  Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên, Ảnh hưởng của tự nhiên đến phát triển KT-XH  Đặc điểm dân cư-xã hội và ảnh hưởng đến phát triển KT-XH.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình, tranh ảnh, Bản đồ,Bảng số liệu. Atlat VN. |  | 1 tiết | VTĐL vùng, Đặc điểm tự nhiên, TNTN, Đặc điểm dân cư. |
| **26** | **Bài 29:** Tây Nguyên(tt)  - Kiến thức: Thế mạnh kinh tế NN, CN, DV và sự phân bố.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Atlat VN |  | 1 tiết | Sự phát triển kinh tế và phân bố |
| **27** | **Bài 30:Thực hành:**  So sánh tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Trung du và miền núi Bắc bộ với Tây Nguyên  - Kiến thức: Phân tích tình hình phát triển ngành trồng cây CN lâu năm ở TN và TD&MNBB  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, At lát VN  **KIỂM TRA 15 PHÚT** | Atlat VN |  | 2 tiết |  |
| **28** | **Bài 31:** Vùng Đông Nam Bộ  - Kiến thức: VTĐL, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa đối với phát triển KT-XH.  Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên, Ảnh hưởng của tự nhiên đến phát triển KT-XH  Đặc điểm dân cư-xã hội và ảnh hưởng đến phát triển KT-XH.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình, tranh ảnh, Bản đồ,Bảng số liệu. Atlat VN. |  | 2 tiết | VTĐL vùng, Đặc điểm tự nhiên, TNTN, Đặc điểm dân cư. |
| **28** | **Bài 32:** Vùng Đông Nam Bộ (tt)  - Kiến thức: Thế mạnh kinh tế NN, CN, DV và sự phân bố.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Atlat VN  Hình, bảng biểu |  | 1 tiết | Sự phát triển kinh tế và phân bố |
| **29** | **Bài 33:** Vùng Đông Nam Bộ (tt)  - Kiến thức: Vấn đề phát triển DV và sự phân bố.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu.Vẽ biểu đồ  - Luyện tập: Bài tập 3/123 | Bảng, hình. Atlat VN |  | 2 tiết | Sự phát và phân bố DV |
| **30** | **Bài 34.** Thực hành: Phân tích một số ngành công nghiệp trọng điểm ở Đông Nam Bộ trên cơ sở bảng số liệu  - Kiến thức: Tìm hiểu vấn đề p[hát triển CNTĐ ở ĐNB  - Kĩ năng: Vã biểu đồ, tư duy tổng hợp Địa lí | Bảng 34.1, Atlat VN |  | 1 tiết |  |
| **30** | **Luyện tập:** Đọc bản đồ, biểu đồ vùng Đông Nam Bộ  **Kiểm tra 15 phút** | Atlat, bảng, hình. |  | 1 tiết |  |
| **31** | **Bài 35:** Vùng Đồng bằng sông Cửu Long  - Kiến thức: VTĐL, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa đối với phát triển KT-XH.  Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên, Ảnh hưởng của tự nhiên đến phát triển KT-XH  Đặc điểm dân cư-xã hội và ảnh hưởng đến phát triển KT-XH.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Hình, tranh ảnh, Bản đồ,Bảng số liệu. Atlat VN. |  | 1 tiết | VTĐL vùng, Đặc điểm tự nhiên, TNTN, Đặc điểm dân cư. |
| **31** | **Bài 36:** Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (tt)  - Kiến thức: Thế mạnh kinh tế NN, CN, DV và sự phân bố.  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, hình ảnh; phân tích biểu đồ, số liệu. | Atlat VN  Hình, bảng biểu |  | 1 tiết | Sự phát triển kinh tế và phân bố |
| **32** | **Bài 37:** Thực hành:Vẽ và phân tích biểu đồ về tình hình phát triển của ngành thủy, hải sản ở Đồng bằng sông Cửu Long  - Kiến thức: Tìm hiểu sự phát triển ngành thủy sản ở ĐBSCL  - Kĩ năng: Vẽ biểu đồ, đọc bản đồ, tư duy địa lí | Bảng 37.1, Atlat VN |  | 1 tiết | Sự phát triển ngành thủy sản VN |
| **32+ 33** | **Ôn tập kiểm tra 1 tiết**  - Kiến thức:Đặc điểm tự nhiên, kinh tế của vùng ĐNB, ĐBSCL.  - Kĩ năng: Biểu đồ tròn, đọc bản đồ 2 vùng kinh tế. Phân tích số liệu thống kê | Các bảng số liệu, Atlat VN |  | 2 tiết |  |
| **33+34** | **Ôn tập kiểm tra 1 tiết**  **Kiểm tra 1 tiết** |  |  | 2 tiết |  |
| **35+ 36** | **Bài 38 + 39:** Phát triển tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển - đảo  - Kiến thức: Nắm được các đảo, quần đảo; Ý nghĩa kinh tế biển đảo; Hoạt động khai thác tài nguyê biển đảo và phát triển tổng hợp kinh tế biển. Đặc điểm tài nguyên, môi trường biển, đảo; biện pháp bảo vệ TN, Mt biển đảo  - Kĩ năng: Đọc bản đồ, lược đồ, Atlat VN. Phân tích, nhận xét số liệu thống kê, biểu đồ. Tư duy địa lí | Bảng, hình, Atlat VN |  | 3 tiết |  |
| **36** | **Bài 40:** Thực hành:Vấn đề khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển - hải đảo  - Kiến thức: Phát triển kinh tế của các đảo, ngành CN dầu khí. | Bảng 40.1, hình 40.1, Atlat VN |  | 1 tiết | Ngành CN dầu khí |
| **37** | **Bài 41:** Địa lí Tp. HCM  **- Kiến thức:** VTĐL, ý nghĩa của VTĐL đối với phát triển KT. Giới hạn, diện tích. Đặc điểm tự nhiên, TNTN. Đặc điểm dân cư-xã hội. Sự phát triển kinh tế.  **- Kĩ năng:** Bản đồ, biểu đồ, nhận xét số liệu thống kê. | Bản đồ Tp. HCM |  | 2 tiết | Vị trí địa lí. |
| **38+39**  **+40** | **Ôn tập thi học kì 2**  Nội dung: Theo sự thống nhất và hướng dẫn của phòng GD |  |  | 6 tiết |  |
| **41** | **THI HỌC KÌ 2** |  |  | 1 tiết |  |
| **42** | **Sửa đề thi HK 2**  **Bài 42:** Địa lí Tp. HCM  **- Kiến thức:** Đặc điểm dân cư-xã hội. Sự phát triển kinh tế.  **Kĩ năng:** Bản đồ, biểu đồ, nhận xét số liệu thống kê. |  |  | 2 tiết |  |
| **42+43+44** | HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH |  |  |  |  |